

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO - BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

DƯƠNG THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐẠO TUỒNG DƯỚI GÓC NHÌN KÝ HIỆU HỌC

Tóm tắt luận án Tiến sĩ nghệ thuật
Lý luận và lịch sử sân khấu
Mã số: 9210221

Hà Nội – 2026

Luận án được nghiên cứu và hoàn thành tại:
Trường Đại Học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:
TS. Bùi Như Lai
PGS.TS. Hà Thị Hoa

Phản biện 1:
Phản biện 2:
Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng cấp trường,
Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội
Lúc: giờ. Ngày. Tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu Luận án tại:

- Thư viện trường Đại học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội
- Website trường Đại học Sân khấu- Điện ảnh Hà Nội
<http://www.skda.edu.vn>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài:

Nghệ thuật Tuồng hình thành và phát triển với một quá trình lâu dài từ khoảng thế kỷ XV- XVII và đã trở thành một bộ môn nghệ thuật truyền thống của dân tộc Việt Nam. Tuồng là nghệ thuật tổng hợp bao gồm: hát, múa, diễn, trò, vũ đạo... Trong lịch sử hình thành và phát triển, nghệ thuật Tuồng đã có rất nhiều tác phẩm trở thành kinh điển của sân khấu truyền thống Việt Nam như: Sơn hậ, Dương Chấn Tử, Giác Oan, An trào kiếm, Tam nữ đồ vương, võ Tam Tư trăm cáo...

Nghệ thuật biểu diễn Tuồng là bộ môn nghệ thuật sân khấu tổng hợp bao gồm: văn học, hội hoạ, âm nhạc, múa, vũ đạo và biểu diễn..., trong đó biểu diễn là nghệ thuật trung tâm. Vậy cũng có nghĩa là vũ đạo Tuồng hay thường gọi là múa Tuồng là một trong những yếu tố quan trọng và không thể thiếu trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng. Vũ đạo Tuồng là một trong ba mô hình diễn xuất (nói lối- hát tuồng- vũ đạo) mà người diễn viên sử dụng để xây dựng nên các mô hình nhân vật trong sân khấu Tuồng. Trong Tuồng tất cả cử chỉ, điệu bộ, động tác đều được ước lệ, khoa trương, cách điệu thành những động tác vũ đạo (múa Tuồng). Những bộ vũ đạo này mang tính mô hình, những động tác vũ đạo này là những động tác hình thể được cách điệu hoá, khuếch đại hoá và ước lệ hoá. Những nguyên tắc của vũ đạo Tuồng và các chức năng của nó là một phần quan trọng trong nghệ thuật biểu diễn của người diễn viên Tuồng trên sân khấu.

Ký hiệu học là bộ môn khoa học nghiên cứu về ký hiệu, những nghiên cứu ký hiệu đến nay đã đạt được những thành tựu đáng kể. Những tên tuổi của các nhà nghiên cứu như Charles Sanders Peice, Ferdinand de Saussure, Roland Barthes, Umberto Eco... đã quá quen thuộc với giới học thuật thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Từ góc nhìn ký hiệu học, vũ đạo sân khấu Tuồng có thể được lý giải một cách chi tiết, sâu sắc, rõ ràng và khoa học về sự chuyển tải ý nghĩa của các động tác vũ đạo Tuồng (mô hình diễn xuất) trong biểu diễn của diễn viên Tuồng nhằm xây dựng mô hình nhân vật Tuồng (kép, đào, lão, hề...). Dưới góc nhìn của ký hiệu học, NCS đưa ra và nghiên cứu thì những ký hiệu động tác vũ đạo trong Tuồng được coi như cái biểu đạt và nó chứa đựng cái được biểu đạt tức nghĩa mà nó tạo ra. Việc tạo nghĩa này, được nghiên cứu trên cơ sở mối quan hệ đặc biệt với các mã văn hoá xã hội, thẩm mỹ, thủ pháp nghệ thuật bao quanh nó trong các vở diễn Tuồng truyền thống. Những ký hiệu vũ đạo Tuồng luôn mang nghĩa và đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với người diễn viên biểu diễn Tuồng.

Đề tài “*Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học*” đi vào nghiên cứu về ký hiệu trong động tác vũ đạo Tuồng; các mã động tác sân khấu Tuồng một cách bài bản và khoa học, những ký hiệu động tác vũ đạo Tuồng trong trình thức diễn xuất đã tham gia vào nghệ thuật xây dựng mô hình nhân vật Tuồng như thế nào cũng như tham gia vào quá trình tạo nghĩa, gửi thông điệp đến người tiếp nhận là khán giả; vấn đề mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng cùng những ứng dụng của nó... Đề tài góp phần bảo tồn và phát triển những giá trị của nghệ thuật vũ đạo Tuồng nói riêng và của nghệ thuật sân khấu Tuồng - nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam nói chung.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu:

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích tổng quát:

Nghiên cứu vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn của một bộ môn khoa học - ký hiệu học với những cơ sở lý luận đã được hình thành và kiểm chứng để từ đó nhìn nhận thêm dưới góc độ khoa học về các lớp nghĩa sâu rộng của vũ đạo Tuồng trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng.

Mục đích cụ thể:

Phân tích hệ thống mô hình nhân vật Tuồng và mô hình vũ đạo Tuồng mà người diễn viên Tuồng sử dụng trong biểu diễn các vai Tuồng trong các vở diễn Tuồng truyền thống dưới

góc nhìn ký hiệu học, để thấy ý nghĩa của các ký hiệu đã tham gia vào vũ đạo Tuồng và góp phần không thể thiếu trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Xác định rõ ràng cơ sở lý luận về vũ đạo Tuồng, về ký hiệu học, về vũ đạo Tuồng từ góc nhìn ký hiệu học. Thông qua các vở diễn Tuồng truyền thống của nhà hát Tuồng Việt Nam (ba vở khảo sát của luận án), các tư liệu sách vở, băng đĩa hình, các cuộc phỏng vấn chuyên gia, nghệ sĩ, nhà nghiên cứu..... hướng tới phân tích dưới góc nhìn ký hiệu học các mô hình nhân vật Tuồng và các mô hình vũ đạo đặc trưng của các mô hình nhân vật đó trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

Dựa vào các cơ sở lý luận của các trường phái ký hiệu học của Sausure, Peirce và Umberto Eco, NCS tiếp cận phân tích các động tác vũ đạo Tuồng tiêu biểu của các mô hình nhân vật Tuồng truyền thống để thấy rõ sự đóng góp của mô hình vũ đạo (một trong ba mô hình diễn xuất quan trọng) trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng.

Rút ra sự ứng dụng và cách thức ứng dụng của việc hoá mã, giải mã ký hiệu học vũ đạo Tuồng trong công tác biểu diễn Tuồng hiện đại, lưu trữ và bảo tồn nghệ thuật Tuồng truyền thống; Phát triển việc biểu diễn sân khấu Tuồng trong giai đoạn hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài có thể được triển khai nghiên cứu một cách bài bản và khoa học, nghiên cứu về:

- Vũ đạo Tuồng: Lịch Sử hình thành nghệ thuật Tuồng nói chung và Vũ đạo Tuồng nói riêng; Mô hình vũ đạo Tuồng với hệ thống một số bộ, động tác tiêu biểu đặc trưng góp phần giúp người diễn viên biểu diễn vai Tuồng và xây dựng mô hình nhân vật trên sân khấu Tuồng.

- Ký hiệu học: Những vấn đề của ký hiệu học, và cơ sở lý luận của ký hiệu học mà NCS đưa ra để nghiên cứu cho đề tài.

- Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học: Mã động tác vũ đạo và mã văn hoá trong các vở diễn sân khấu Tuồng truyền thống; Những động tác vũ đạo của các mô hình nhân vật Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học của F. De Saussure với Cái biểu đạt (hình thức) và cái được biểu đạt (Nội dung) của các mô hình vũ đạo Tuồng trong xây dựng mô hình nhân vật Tuồng truyền thống, với lý thuyết tam đoạn của C.S. Peirce và lý thuyết mã tiếp nhận của Umberto Eco.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về Mô hình vũ đạo Sân khấu Tuồng; Về Mô hình nhân vật Tuồng truyền thống; Về ký hiệu học và các quan điểm ký hiệu học liên quan; Về Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học.

Các vấn đề về mô hình nhân vật, đặc biệt mô hình vũ đạo Tuồng trong các vở diễn tiêu biểu của Sân khấu Tuồng truyền thống (ba vở : Sơn Hậu; Nữ Tướng Đào Tam Xuân; Võ Tam Tư trăm cáo) của nhà hát Tuồng Việt Nam.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi thứ nhất: Từ góc nhìn của ký hiệu học, Trong trình thức biểu diễn của sân khấu Tuồng (bao gồm mô hình nhân vật và mô hình diễn xuất), vũ đạo Tuồng mang trong nó những ký hiệu được tuyên tải ý nghĩa như thế nào?.

Câu hỏi thứ hai: Có thể xây dựng, đưa ra một hệ thống ký hiệu ước lệ của vũ đạo Tuồng hoặc hệ thống mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng của các mô hình nhân vật trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống không; việc giải mã vũ đạo Tuồng thông qua lý thuyết ký hiệu học có góp phần nâng cao chất lượng biểu diễn Tuồng và đưa nghệ thuật Tuồng tới gần khán giả hôm nay hay không?.

Câu hỏi thứ ba: Nghiên cứu về ký hiệu học vũ đạo Tuồng có thể được ứng dụng trong công tác bảo tồn- phát huy và phát triển nghệ thuật Tuồng trong giai đoạn hiện nay không?.

4.2. Giả thuyết nghiên cứu.

Giả thuyết thứ nhất: Những ký hiệu được coi như cái biểu đạt (hình thức) khi người diễn viên thực hiện các động tác vũ đạo của các nhân vật Tuồng để tạo ra cái được biểu đạt (tức nội dung - nghĩa của nó) theo quan điểm ký hiệu của Sausure; Mỗi một động tác vũ đạo của nhân vật Tuồng có thể được phân tích theo mô hình representamen (biểu trưng) - object (đối tượng) - interpretant (giải nghĩa) trong lý thuyết ký hiệu của Peirce, từ đó xem xét vũ đạo Tuồng với đa tầng ký hiệu và ý nghĩa, giúp mở rộng hơn, tiếp cận sâu hơn các lớp ký hiệu và các lớp nghĩa của vũ đạo Tuồng; với hệ thống lý thuyết ký hiệu về ngôn ngữ thứ hai, mã, quá trình tạo nghĩa, mối quan hệ giữa ký hiệu- mã- người đọc (khán giả) của Eco có thể phân tích vũ đạo Tuồng là một hệ thống ký hiệu mở, vận hành nhờ các mã văn hoá, mã biểu diễn, mã thẩm mỹ. Từ đó mở ra thêm những hướng tiếp cận mới tới những vấn đề của vũ đạo Tuồng trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

Giả thuyết thứ hai: Dưới góc nhìn của khoa học ký hiệu hay ký hiệu học thì những ký hiệu mã hoá của vũ đạo Tuồng đã đóng góp vào quá trình biểu diễn của người diễn viên Tuồng; đồng thời cũng góp phần truyền tải những thông điệp, những tầng ý nghĩa sâu rộng, phong phú đến khán giả - một trong ba thành phần giải nghĩa của sân khấu Tuồng : Diễn viên- nhân vật- khán giả.

Giả thuyết thứ ba: Khả năng ứng dụng ký hiệu học trong bảo tồn, phát huy và phát triển nghệ thuật Tuồng trong giai đoạn hiện nay gắn với chuyển đổi số sẽ mang lại những giá trị cao đối với nghệ thuật Tuồng.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu.

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Phân tích các vở diễn sân khấu Tuồng cụ thể với các hệ thống động tác vũ đạo được sử dụng trong biểu diễn Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học.

Phương pháp hệ thống - đối chiếu: Mỗi vở diễn Tuồng truyền thống sẽ có nhiều mô hình nhân vật khác nhau. Dưới góc nhìn của khoa học ký hiệu, NCS sẽ đưa ra cách tiếp cận có hệ thống và đối chiếu ký hiệu vũ đạo Tuồng với nghĩa được tạo ra để xây dựng mô hình nhân vật Tuồng trong các vở Tuồng truyền thống.

Phương pháp liên ngành: Đề tài sử dụng phương pháp liên ngành khi đặt vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học để mở rộng các lớp nghĩa đa tầng về mặt văn hoá- xã hội - thẩm mỹ và thủ pháp nghệ thuật biểu diễn Tuồng. NCS sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành ở đây với việc đặt ký hiệu động tác vũ đạo Tuồng trong quan hệ tương quan hữu cơ không thể thiếu với các vấn đề của văn hoá (mã văn hoá) và những vấn đề về ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật biểu diễn Tuồng (mã sân khấu Tuồng), để từ đó góp phần lý giải sâu rộng về các ký hiệu động tác vũ đạo Tuồng, cũng như vấn đề mã chung giữa người biểu diễn và người tiếp nhận ký hiệu động tác vũ đạo Tuồng.

Phương pháp phỏng vấn chuyên gia: thực hiện phỏng vấn đối với các chuyên gia; các nhà nghiên cứu; các nghệ sĩ biểu diễn Tuồng; các nhà nghiên cứu Tuồng và ký hiệu học trong nước...

6. Tính mới của đề tài.

Đề tài nghiên cứu “ *Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học*”, sử dụng hệ thống cơ sở lý luận của khoa học ký hiệu để tiếp cận và lý giải các vấn đề liên quan vũ đạo trong xây dựng mô hình nhân vật Tuồng, trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống. Sử dụng hệ thống cơ sở lý thuyết của phương Tây để tiếp cận, soi chiếu một vấn đề của sân khấu phương Đông.

6.1. Mới trong hướng tiếp cận của đề tài :

Ký hiệu học đã xuất hiện từ lâu trên thế giới và trở thành bộ môn khoa học nhận được sự quan tâm của các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Ký hiệu học theo hiểu biết và nghiên cứu của NCS thì nó đã và đang vận hành cùng nhân loại. Hầu hết các vấn đề liên quan ký hiệu học đều được mỗi nhà nghiên cứu đưa ra cách tiếp cận, luận điểm ký hiệu riêng và về nội hàm của chúng có ít nhiều khác biệt. Tuy nhiên về cơ bản, có hai nhà nghiên cứu được coi

là đã đưa ra quan điểm về ký hiệu học ảnh hưởng tới hầu hết các nghiên cứu của các nhà nghiên cứu hậu bối sau này về ký hiệu học là Charles Sander Peirce và Ferdinand de Saussure. NCS sử dụng cơ sở lý thuyết ký hiệu học của F.de.Saussure, Charles Sander Peirce và tiếp thu, kế thừa những nghiên cứu sau này của Umberto Eco để ứng dụng trong tiếp cận các vấn đề của vũ đạo Tuồng. Theo hiểu biết và những nghiên cứu của NCS, thì đây là hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu về vũ đạo Tuồng.

6.2. Mới trong nội dung nghiên cứu của đề tài:

Dưới góc nhìn của lý thuyết ký hiệu học, NCS đi vào mở rộng, đào sâu các lớp nghĩa của vũ đạo Tuồng trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng qua các mô hình nhân vật Tuồng (tướng, lão, đào, kép...). Đồng thời làm rõ quá trình mã hoá trong quá trình biểu diễn cũng như giải mã trong quá trình tiếp nhận của khán giả với vũ đạo Tuồng thông qua nghệ thuật biểu diễn Tuồng trong một số vở diễn Tuồng truyền thống. Những nội dung nghiên cứu của đề tài là những nội dung mới theo hướng nghiên cứu một vấn đề sâu sắc phương Đông được đặt dưới góc nhìn soi chiếu của lý thuyết ký hiệu học phương tây.

6.3. Mới trong kết quả nghiên cứu của đề tài :

Kết quả nghiên cứu cũng chính là điểm mới của đề tài. Đó là hệ thống mã hoá và giải mã một số các động tác vũ đạo của một số nhân vật Tuồng trong ba vở Tuồng truyền thống tiêu biểu của phạm vi nghiên cứu. Đó Là những ứng dụng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng trong bảo tồn, phát huy và phát triển nghệ thuật Tuồng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu.

7.1. Đóng góp về lý luận

Về mặt lý luận, đề tài đưa ra những luận điểm khoa học về vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học; phân tích cái biểu đạt - cái được biểu đạt trong Vũ đạo Tuồng; phân tích representamen (biểu trưng) - object (đối tượng) - interpretant (giải nghĩa) trong vũ đạo Tuồng; phân tích vũ đạo Tuồng như một hệ thống ký hiệu mở, vận hành nhờ các mã văn hoá, mã biểu diễn, mã thẩm mỹ để từ đó như một tài liệu tham khảo về mặt lý luận những nghiên cứu về biểu diễn Tuồng, lưu giữ và bảo tồn vũ đạo Tuồng và sân khấu Tuồng truyền thống.

7.2. Đóng góp về thực tiễn

Đề tài có thể áp dụng vào trong thực tiễn biểu diễn Tuồng truyền thống và phát triển công tác biểu diễn Tuồng đề tài hiện đại. Các hệ thống mô hình vũ đạo Tuồng có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo trong giảng dạy các bộ môn nghệ thuật truyền thống hoặc tham khảo như một tài liệu về nghệ thuật biểu diễn Tuồng.

8. Bố cục luận án.

Ngoài phần mở đầu, phần tổng quan tài liệu, danh mục công trình đã công bố liên quan đến đề tài luận án, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục.

Phần nội dung luận án được chia làm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của luận án

Chương 2: Mô hình nhân vật Tuồng và mã hoá, giải mã mô hình vũ đạo Tuồng.

Chương 3: Ứng dụng mã hoá- giải mã vũ đạo Tuồng trong bảo tồn, phát huy và phát triển nghệ thuật Tuồng.

PHẦN TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1. Những Tài liệu, công trình nghiên cứu về Tuồng và Tuồng truyền thống có đề cập đến đặc trưng biểu diễn Tuồng; Vũ đạo Tuồng; Vai trò của vũ đạo Tuồng và các vấn đề liên quan: (nhóm 1)

Gồm các tài liệu *Sơ khảo Nghệ thuật Tuồng; Đại cương nghệ thuật Sân khấu; Tuồng một chặng đường ; Tuồng; Về đặc trưng và hướng phát triển của Tuồng Chèo truyền thống; Giáo Sư Hoàng Châu Ký với nghệ thuật Tuồng Việt Nam....* và một số tư liệu khác về Tuồng. Đây là những nhóm tài liệu nghiên cứu chủ đạo về nghệ thuật Tuồng; Nghệ thuật biểu diễn Tuồng;

Ngôn ngữ của nghệ thuật Tuồng của các nhà nghiên cứu sân khấu, các học giả về sân khấu truyền thống.

2. Tài liệu, công trình nghiên cứu về ký hiệu học (nhóm 2)

Nhóm này gồm các công trình, tài liệu nghiên cứu về ký hiệu học như *Cơ sở ký hiệu học* của tác giả Roland Barthes; *Đế chế ký hiệu* của nhà văn, nhà ký hiệu học Umberto Eco; *Ký hiệu và liên ký hiệu* của GS. Lê Huy Bắc; *Ký hiệu học văn chương- Biểu tượng và văn bản nghệ thuật* của GS.Trịnh Bá Đĩnh; *Giáo trình ký hiệu học văn hoá* của PGS.TS Nguyễn Tri Nguyên và TS. Cung Dương Hằng;Đây là những tư liệu nghiên cứu về ký hiệu học và những vấn đề về khoa học ký hiệu trong và ngoài nước.

3. Tài liệu về ký hiệu học nghệ thuật (nhóm 3)

Ký hiệu học sân khấu của nhà nghiên cứu Sân khấu người Đức Erika Fischer Lichte; *Ký hiệu học và mỹ học Điện ảnh* của nhà nghiên cứu Điện ảnh Nga I. Lotman; *Tiếp cận ký hiệu học điện ảnh qua lý thuyết của Charles Sanders Peirce* của TS. Đạo diễn Nguyễn Cao Thanh; ...Đây là nhóm những tài liệu nhìn nhận tiếp cận ký hiệu học để nghiên cứu các vấn đề của nghệ thuật sân khấu điện ảnh, những vấn đề của nghệ thuật dưới góc nhìn ký hiệu học trong và ngoài nước.

4. Nhận định, đánh giá về tổng quan tài liệu:

Từ những nghiên cứu tổng quan trên, có thể thấy những nghiên cứu về Tuồng của các tác giả trước đó chủ đạo là các vấn đề khác nhau của sân khấu Tuồng như lịch sử hình thành và phát triển; thủ pháp nghệ thuật; nghệ thuật biểu diễn; bảo tồn và phát triển...

Những nghiên cứu về vũ đạo Tuồng thường được đặt trong các nghiên cứu tổng thể về nghệ thuật Tuồng hoặc về biểu diễn Tuồng, hay giáo trình mô tả các động tác vũ đạo...

Từ nhận định, đánh giá về tổng quan tư liệu, NCS cho rằng dưới góc nhìn của ký hiệu học có thể soi chiếu các vấn đề liên quan đến vũ đạo Tuồng trong nghệ thuật biểu diễn trên Sân khấu Tuồng. Vũ đạo Tuồng với các ký hiệu mã hoá được hình thành, phát triển đã đóng góp và có những vai trò to lớn trong công tác biểu diễn của người diễn viên Tuồng trên Sân khấu. Nó đã tham gia vào quá trình tạo nghĩa trong biểu diễn mô hình nhân vật Tuồng truyền thống và giải mã trong sự tiếp nhận của khán giả..... Đó là những vấn đề NCS đặt ra cần giải quyết, và các vấn đề này trong hiểu biết nhỏ bé của NCS là không có sự trùng lặp với các đề tài, các nghiên cứu, các tài liệu đã có trước đó, cũng như chưa đề cập trong các tài liệu nghiên cứu mà NCS đã khảo sát.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA LUẬN ÁN

1.1. Các khái niệm thao tác:

1.1.1. Khái niệm góc nhìn

NCS dựa vào tài liệu để giải thích khái niệm thao tác “góc nhìn”, từ được sử dụng trong Luận án.

1.1.2. Khái niệm về Vũ đạo và vũ đạo Tuồng

Trên góc độ Tiếng Việt, đưa ra khái niệm về vũ đạo và vũ đạo Tuồng.

1.1.3. Khái niệm ký hiệu học

Khái niệm về ký hiệu học nói chung, khoa học ký hiệu với khái niệm chung nhất, khái quát nhất.

1.2. Khung lý thuyết, các trường phái ký hiệu học và cách thức tiếp cận, áp dụng trong luận án:

1.2.1. Trường phái ký hiệu học Saussure

Khái quát điểm chung nhất đặc trưng nhất của lý thuyết ký hiệu Saussure về cái biểu đạt và cái được biểu đạt trong ngôn ngữ.

1.2.2. Trường phái ký hiệu học Peirce

NCS Khái quát những điểm về ký hiệu tam đoạn giữa cái biểu trưng (Representamen)- dạng vật chất của ký hiệu(hình ảnh, âm thanh, từ ngữ...); thứ hai là đối tượng (object)- sự vật/ hiện tượng trong thực tại mà ký hiệu hướng đến; thứ ba là diễn giải (interpretant)- ý niệm, cách hiểu mà người tiếp nhận tạo ra khi tiếp xúc ký hiệu.

1.2.3. Trường phái ký hiệu học Roland Barthes

Barthes với lý thuyết huyền thoại, cho phép giải mã những lớp nghĩa văn hóa ẩn sau hình thức động tác sân khấu. Ông cũng để lại ảnh hưởng sâu rộng trong nghiên cứu văn hoá, điện ảnh, sân khấu, thời trang....Các khái niệm denotation- connotation- myth trở thành công cụ phân tích tiêu chuẩn trong truyền thông và ký hiệu văn hoá.

1.2.4. Yuri Lotman

Với trường phái ký hiệu học Yuri Lotman, lại mở rộng khái niệm từ phạm vi ngôn ngữ sang toàn bộ đời sống văn hoá. Ông coi văn hoá chính là tập hợp các hệ thống ký hiệu được cộng đồng dùng để giao tiếp, lưu trữ và truyền đạt thông tin. Mỗi hiện tượng văn hoá (nghệ thuật, lễ hội...) đều là một ngôn ngữ ký hiệu riêng, có cấu trúc và quy tắc mã hoá- giải mã.

Lotman đề xuất khái niệm “Semiosphere”- là không gian ký hiệu toàn diện, nơi các hệ thống ký hiệu cùng tồn tại, giao tiếp, va chạm và tái tạo nghĩa. Theo đó, không có ký hiệu nào tồn tại ngoài semiosphere, nghĩa được tạo nhờ tương tác giữa các hệ thống ký hiệu trong cùng một môi trường văn hoá.

1.2.5. Umberto Eco

Eco kế thừa Saussure và Peirce, nhưng mở rộng- ký hiệu không chỉ là quan hệ cái biểu đạt- cái được biểu đạt, mà còn là một cơ chế giao tiếp xã hội phức tạp. Trong quan điểm của ông, ký hiệu không tồn tại độc lập, mà luôn nằm trong một mạng lưới văn hoá. Trong tác phẩm *A theory of semiotics* (1976), Eco hệ thống hoá lý thuyết ký hiệu học, đưa ra mô hình giao tiếp, nhấn mạnh đến quá trình sản xuất – tiếp nhận thông điệp: người phát (sender)- Mã hoá (code)- thông điệp (message)- Người nhận.

1.3. **Nghệ thuật sân khấu Tuồng truyền thống và nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống**

1.3.1. Nghệ thuật sân khấu Tuồng truyền thống

Các vấn đề về sự hình thành và phát triển của sân khấu Tuồng truyền thống được NCS nghiên cứu trong mục này. Từ quá trình hình thành và phát triển trong các giai đoạn hoàng kim, đến các vấn đề khác nhau của sân khấu Tuồng như kịch bản, biểu diễn...là trọng tâm của nghệ thuật sân khấu Tuồng truyền thống.

1.3.2. Nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống

Nghệ thuật biểu diễn sân khấu Tuồng truyền thống với trình thức thể hiện là các mô hình nhân vật đã trở thành hệ thống mẫu mực như kép; đào; tướng; nịnh; lão, các nhân vật khác....Các mô hình nhân vật này góp phần quan trọng và không thể thiếu trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

1.3.3. Vũ đạo Tuồng góp phần xây dựng mô hình nhân vật Tuồng truyền thống.

Sự đóng góp của vũ đạo và hệ thống vũ đạo trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống trong mô tả mô hình nhân vật Tuồng đã tạo nên những điểm ấn tượng, thậm chí là đặc trưng của các mô hình nhân vật Tuồng. Mô hình nhân vật nào thì có mô hình vũ đạo đó. Vai trò của mô hình vũ đạo Tuồng trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng là rất quan trọng và không thể thiếu.

1.4. **Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học:**

1.4.1. Dưới góc độ Lý thuyết ký hiệu học Saussure

Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học theo trường phái Saussure có thể được phân tích như một hệ thống ký hiệu phi ngôn ngữ nhằm truyền tải ý nghĩa, tâm lý và địa vị xã hội của

nhân vật. Ở góc độ Saussure, cái biểu đạt là động tác, cái được biểu đạt là tính cách nhân vật, tâm trạng hoặc hành động. Có thể coi mỗi động tác, dáng đi, ánh mắt, cây quạt, thanh đao... đều là ký hiệu (sign)- bao gồm “Cái biểu đạt” (signifier) và “Cái được biểu đạt” (signified).

1.4.2. Dưới góc độ lý thuyết ký hiệu học Peirce

Vũ đạo Tuồng ở góc độ Peirce được xem xét như một hệ thống tam đoạn. Mỗi một động tác, biểu cảm hay nhân vật có thể được phân tích theo mô hình representamen(biểu trưng) – object (đối tượng) - interpretant(giải nghĩa). Theo đó ba cấp độ của ký hiệu trong lý thuyết ký hiệu của Peirce có thể cho xem xét vũ đạo Tuồng với đa tầng ký hiệu và ý nghĩa, giúp mở sâu rộng hơn các lớp ký hiệu và các lớp nghĩa của vũ đạo Tuồng. Dưới góc nhìn ký hiệu học của Peirce, vũ đạo Tuồng là mạng lưới ký hiệu đa tầng, nơi các biểu trưng, chỉ dẫn và biểu tượng cùng tồn tại. Cách tiếp cận này giúp lý giải tính sống động, sức gợi cảm xúc sâu sắc của vũ đạo Tuồng.

1.4.3. Dưới góc độ lý thuyết ký hiệu học Lotman

Ở góc độ Lotman: toàn bộ vũ đạo tham gia vào semiosphere sân khấu Tuồng, trở thành bộ mã văn hóa phản ánh xã hội, đạo đức, mỹ cảm Việt Nam truyền thống.

Như vậy, vũ đạo Tuồng là một “văn bản ký hiệu học” có cấu trúc đa tầng, vừa biểu đạt hành động kịch, vừa phản ánh giá trị văn hóa – thẩm mỹ.

1.4.4. Dưới góc độ lý thuyết ký hiệu học Roland Barthes

Dưới góc nhìn lý thuyết ký hiệu học của Barthes có thể cho phân tích về vũ đạo Tuồng không chỉ mang nghĩa biểu hiện (denotation), mà còn ẩn chứa nghĩa biểu niệm (connotation)- là ngôn ngữ thứ hai của văn hoá.

Có thể phân tích vũ đạo Tuồng là một hệ thống huyền thoại sống, phản ánh những giá trị trung, hiếu, tiết, nghĩa- những “ý thức hệ nghệ thuật” của dân tộc. Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học Barthes như một diễn ngôn văn hoá (cultural discourse).

1.4.5. Dưới góc độ lý thuyết ký hiệu học Umberto Eco

Với hệ thống lý thuyết ký hiệu về ngôn ngữ thứ hai, mã, quá trình tạo nghĩa, mối quan hệ giữa ký hiệu- mã- người đọc(khán giả). Dưới góc nhìn ký hiệu học của Eco có thể phân tích vũ đạo Tuồng là một hệ thống ký hiệu mở, vận hành nhờ các mã văn hoá, mã biểu diễn, mã thẩm mỹ.

1.5. Tổng quan tình hình nghiên cứu và góc tiếp cận lý thuyết ký hiệu học của NCS trong nghiên cứu vũ đạo Tuồng:

1.5.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu:

Trên thế giới, ký hiệu học sân khấu được nhiều học giả quan tâm từ nửa sau thế kỷ XX.

Các công trình tiêu biểu có thể kể đến: Roland Barthes với “Elements of Semiology”, Keir Elam với “Semiotics of Theatre and Drama”, Patrice Pavis với “Languages of the Stage”, Saussure với ngôn ngữ học đại cương; Pierce với ký hiệu tam đoạn....

Ở Việt Nam, ký hiệu học được nghiên cứu trong lĩnh vực văn học và ngôn ngữ, nhưng ứng dụng vào sân khấu truyền thống, đặc biệt là Tuồng, còn hạn chế.

Một số công trình về Tuồng chú trọng khía cạnh lịch sử, âm nhạc, mỹ thuật sân khấu, nhưng chưa có nghiên cứu chuyên sâu về vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học.

1.5.2. Tiếp cận lý thuyết ký hiệu học của NCS trong nghiên cứu vũ đạo Tuồng:

Xem xét tổng quan tình hình nghiên cứu, đề tài “Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học” của NCS có ý nghĩa bổ sung khoảng trống học thuật, đồng thời góp phần bảo tồn và phát triển sân khấu Tuồng trong bối cảnh đương đại.

NCS sẽ tiếp cận lý thuyết của hai nhà sáng lập ký hiệu học thế giới là F.de.Saussure và C. S. Peirce, đồng thời kế thừa những lý thuyết của nhà hậu bối của hai ông sau này là Umberto Eco để đi sâu phân tích, nhìn nhận, đánh giá vũ đạo Tuồng của các mô hình nhân vật Tuồng truyền thống dưới góc nhìn ký hiệu học. Để từ đó thấy được cái hay cái đẹp dưới các lớp nghĩa đa tầng sâu rộng của hệ thống vũ đạo Tuồng truyền thống.

Tiểu kết chương 1:

Tại chương một- cơ sở lý luận của đề tài, NCS đã trình bày cơ sở lý luận của những lý thuyết về ký hiệu học, về vũ đạo Tuồng.... bao gồm khái niệm và lịch sử nghiên cứu ký hiệu học, các trường phái lý thuyết tiêu biểu, đặc điểm nghệ thuật vũ đạo Tuồng và khả năng ứng dụng ký hiệu học trong phân tích loại hình nghệ thuật này.

Qua đó, có thể khẳng định: vũ đạo Tuồng không chỉ là hệ thống động tác mang tính thẩm mỹ mà còn là hệ thống ký hiệu đa tầng, có khả năng truyền tải những giá trị văn hóa, xã hội và nghệ thuật sâu sắc. Đây chính là nền tảng lý luận quan trọng mà NCS tiếp cận cho việc đi sâu phân tích ở các chương tiếp theo của luận án.

CHƯƠNG 2 MÔ HÌNH NHÂN VẬT TUỒNG VÀ MÃ HOÁ , GIẢI MÃ MÔ HÌNH VŨ ĐẠO TUỒNG

2.1. Mô hình nhân vật Kép:

2.1.1. Mô hình nhân vật Kép trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Những đặc trưng của mô hình nhân vật Kép cấp I , cũng như đặc trưng của các mô hình nhân vật kép cấp II như kép võ, văn, pha võ....

2.1.2. Mô hình vũ đạo nhân vật kép trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Những đặc trưng của mô hình vũ đạo của nhân vật kép trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

2.1.3. Mã hoá và giải mã mô hình vũ đạo nhân vật Kép :

NCS đưa ra bảng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng của mô hình nhân vật Kép (văn, võ, pha võ...) dưới góc nhìn ký hiệu học của Saussure, Peirce và Eco.

stt	Mô hình	động tác/ vũ đạo tiêu biểu	Saussure: cấp độ mã hoá	Peirce: giải mã theo tam giác ký hiệu	Eco: Giải mã theo mã văn hoá – nghệ thuật – thẩm mỹ
1	Kép Võ	Bộ tay “quạt kiếm” (xoay cổ tay, phát mạnh ra ngoài)	Cái biểu đạt: chuyển động xoay của cổ tay, phát mạnh.Cái được biểu đạt: là tinh thần chiến đấu, sẵn sàng ra chiến trận của nhân vật.	Representamen (hình thức): Cử chỉ của tay- tay phát.Object (đối tượng): hành vi chuẩn bị tấn công.Interpretant (diễn giải) : biểu tượng dũng khí, chủ động, quyết liệt.	Mã văn hoá: uy dũng, chính nghĩa.Mã nghệ thuật: dùng vòng cung lớn, động – dứt khoát. Mã thẩm mỹ: đẹp ở sức – thể – lực.
		Tấn mã (chùng gối, trụ vững)	Cái biểu đạt: dáng trụ thấp, vững. Cái được biểu đạt: sức mạnh, kiên định.	Representamen (hình thức): tấn thấp phần chân Object (đối tượng): trụ thể chiến đấu.Interpretant (diễn giải) : biểu hiện bản lĩnh và đạo đức của nhân vật.	Mã văn hoá: vững như núi – thể hiện tinh thần trung quân.Mã nghệ thuật: cân đối, đạt tính tạo hình cao trong biểu đạt của nhân vật. Mã thẩm mỹ: đẹp ở thể tĩnh mạnh – nội lực.
2	Kép văn	Chắp tay trước ngực – cúi nhẹ đầu	Cái biểu đạt: động tác chắp tay, cúi đầu; Cái được biểu đạt: sự kính trọng, khiêm cung.	Representamen: chắp tay, cúi đầu;Object: hành vi chào, kính;Interpretant: biểu hiện lễ nghi, tri thức	Mã văn hoá: 'Lễ vi tiên' (đạo Nho).Mã nghệ thuật: thể đứng thẳng, cúi đúng tiết độ.Mã thẩm mỹ: đẹp ở sự chuẩn mực,

		Bước lùi ba bước chậm sau khi thưa vua	Cái biểu đạt: bước lùi; Cái được biểu đạt: tôn quân, giữ lễ.	biết trên–dưới. Representamen: lùi ba bước; Object: tránh phạm vua; Interpretant: biểu thị trung – lễ – cần.	không thừa. Mã văn hoá: thể hiện đậm tinh thần trung quân ái quốc của tư tưởng các vờ Tuồng truyền thống. Mã nghệ thuật: nhịp điệu nhịp nhàng, tay áo quét mềm, cách điệu tạo hành động cung kính. Mã thẩm mỹ: nhịp chậm, hài hoà – cái đẹp của điềm tĩnh.
3	<i>Kép pha võ</i>	Bước tiến chậm – dừng mạnh – cúi nhẹ (trong các tình huống chào, suy tư của nhân vật).	Cái biểu đạt: bước tiến chậm, dừng vững, cúi nhẹ. Cái được biểu đạt: tự chủ, có lễ mà vẫn dũng.	Representamen: bước tiến – dừng – cúi. Object: hành vi chào có quyền uy, hoặc suy tư sự việc. Interpretant: người vừa có trí vừa có quyền.	Mã văn hoá: mẫu người 'văn võ kiêm toàn'. Mã nghệ thuật: tiết tấu hai pha (chậm → dứt), tạo sự chắc chắn tự chủ. Mã thẩm mỹ: hài hoà tĩnh – động, uy mà nhã.
		Tay phải cầm quạt, tay trái đặt chuôi kiếm	Cái biểu đạt: song hành hai biểu tượng. Cái được biểu đạt: trí tuệ đi đôi với võ công.	Representamen: tư thế hai tay. Object: biểu tượng 'văn – võ đồng tồn'. Interpretant: người biết 'lấy văn trị võ'.	Mã văn hoá: triết lý Nho – Võ hợp nhất. Mã nghệ thuật: tạo hình đối xứng. Mã thẩm mỹ: đẹp ở cân bằng – hòa quyện.
4	<i>Kép con</i>	Chắp tay cúi đầu – quỳ xin ra trận	Cái biểu đạt: quỳ – cúi – giơ tay xin. Cái được biểu đạt: lòng trung – hiếu – cầu lập công.	Representamen: cử chỉ cầu xin. Object: hành vi xin phép phụng mệnh. Interpretant: con trẻ trung thành, hiếu nghĩa.	Mã văn hoá: con hiếu – trung quân. Mã nghệ thuật: động tác quỳ – cúi mềm, có độ non, thấy sự trẻ trung của tuổi trẻ. Mã thẩm mỹ: đẹp ở sự chân thành, giản dị.
		Bước tiến nhanh – hơi ngẩng đầu – tay cầm kiếm thấp	Cái biểu đạt: bước nhẹ, nhanh, kiếm cầm thấp. Cái được biểu đạt: lòng hăng hái, chưa thuần thục.	Representamen: bước và kiếm. Object: hành động xuất chinh non trẻ. Interpretant: tuổi trẻ nhiệt huyết.	Mã văn hoá: 'anh hùng thiếu niên'. Mã nghệ thuật: tiết tấu nhanh, trống dồn nhẹ. Mã thẩm mỹ: trẻ – sáng – năng động.
5	<i>Tướng lớn</i>	Chắp tay – ngẩng đầu – bước lên thêm rộng	Cái biểu đạt: tư thế uy nghi. Cái được biểu đạt: quyền lực, lễ nghi.	Representamen: dáng đứng, bước chậm. Object: hành vi nghi lễ. Interpretant: biểu tượng quyền uy hợp đạo.	Mã văn hoá: đạo quân thần. Mã nghệ thuật: nhịp trống văn chậm. Mã thẩm mỹ: uy nghi – trang trọng.
		Giơ kiếm chỉ trời – hô 'Phụng	Cái biểu đạt: giơ kiếm, hô to. Cái được biểu đạt: trung quân,	Representamen: kiếm – giọng. Object: hành động ra	Mã văn hoá: trung quân ái quốc. Mã nghệ thuật: nhạc võ, trống dồn. Mã

		mệnh chinh phạt'	chính nghĩa.	lệnh. Interpretant: thề trung thành.	thấm mỹ: hùng – thiêng.
6	Tướng nhỏ	Chấp tay – cúi đầu – hô to 'Xin ra trận'	Cái biểu đạt: chấp tay, cúi đầu, hô. Cái được biểu đạt: xin lập công, trung thành.	Representamen: tởu thể quỳ. Object: lời xin ra trận. Interpretant: chí khí tuổi trẻ.	Mã văn hoá: trung quân non trẻ. Mã nghệ thuật: nhịp trống văn nhanh. Mã thẩm mỹ: trẻ – trung – nhiệt huyết.
		Cầm thương – xoay tròn – bước tấn rộng	Cái biểu đạt: thương, tấn. Cái được biểu đạt: sức mạnh, quyết tâm.	Representamen: động tác xoay. Object: hành vi khởi chiến. Interpretant: lòng dũng cảm.	Mã văn hoá: khát vọng lập công. Mã nghệ thuật: võ đạo nhẹ. Mã thẩm mỹ: dũng cảm – hồn nhiên.

Tổng kết về bảng mã hoá và giải mã một số vũ đạo mô hình nhân vật kép, NCS đúc rút một số những nhận diện về mô hình vũ đạo nhân vật kép trong Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học. Bảng trên cho thấy rằng vũ đạo của nhân vật kép là một hệ thống ký hiệu đa tầng, trong đó mỗi động tác không chỉ mang giá trị biểu hiện nghệ thuật mà còn là phương tiện truyền tải tư tưởng xã hội và văn hóa. Thông qua cách tiếp cận ký hiệu học, NCS nhận diện được cơ chế “mã hóa – giải mã” giữa diễn viên (người gửi tín hiệu) và khán giả (người giải mã), đồng thời khẳng định vũ đạo Tuồng là một dạng “ngôn ngữ văn hóa” mang bản sắc Việt Nam.

2.2. Mô hình nhân vật Đào:

2.2.1. Mô hình nhân vật Đào trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống :

Những đặc trưng của mô hình nhân vật Đào cấp I, cũng như đặc trưng của các mô hình nhân vật kép cấp II như đào võ, đào bi, đào lẳng....

2.2.2. Mô hình vũ đạo nhân vật Đào trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống :

Những đặc trưng của mô hình vũ đạo của nhân vật Đào trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống. Đi đến phân tích mô hình vũ đạo của các nhân vật đào bi, đào võ, đào lẳng....

2.2.3. Mã hoá và giải mã mô hình vũ đạo nhân vật Đào :

NCS đưa ra bảng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng của mô hình nhân vật Đào (võ, bi, lẳng....) dưới góc nhìn ký hiệu học của Saussure, Peirce và Eco.

STT	Mô hình	Động tác/ vũ đạo tiêu biểu	Saussure: Cấp độ mã hoá	Peirce: Tam giác ký hiệu	Eco: Giải mã theo mã văn hoá – nghệ thuật – thẩm mỹ
1	Đào chính (đào thương)	Chấp tay ngang ngực – cúi nhẹ đầu	Cái biểu đạt: tay chấp, đầu cúi. Cái được biểu đạt: lễ – khiêm – hiền.	Representamen: chấp tay, cúi đầu. Object: hành vi chào, kính. Interpretant: biểu tượng phụ nữ lễ giáo.	Mã văn hoá: khuôn mẫu 'tam tông, tứ đức'. Mã nghệ thuật: tình trong động. Mã thẩm mỹ: đẹp ở lễ nghĩ, chuẩn mực.
		Bước ba bước chậm – tay nâng áo – nghiêng mình (trong các tình	Cái biểu đạt: bước nhẹ, tay nâng áo. Cái được biểu đạt: hành động cử chỉ đoan trang, cần	Representamen: động tác bước. Object: hành vi tiến lễ. Interpretant: sự kiêm chế, nét na.	Mã văn hoá: biểu tượng nữ đức trong thời kỳ phong kiến. Mã nghệ thuật: di chuyển mềm mại, hình thể với tạo hình hài hoà. Mã thẩm mỹ: duyên

		huống chào hỏi, diện kiến của nhân vật)	trọng.		dáng, kín đáo, đức hạnh.
2	<i>Đào lịch (đào độc, đào tà, đào gian)</i>	Đưa tay vuốt tóc – nghiêng người – liếc mắt	Cái biểu đạt: vuốt tóc, liếc. Cái được biểu đạt: quyến rũ, tính toán.	Representamen: ánh mắt, bàn tay. Object: hành vi mỉa hoặc. Interpretant: ẩn ý dục vọng, gian trá.	Mã văn hoá: biểu tượng 'mỹ nhân kế'. Mã nghệ thuật: cử chỉ nhỏ nhưng sắc, đường nét được cách điệu nhịp nhàng. Mã thẩm mỹ: đẹp nguy hiểm – 'mỹ ác song hành'.
		Phất tay áo mạnh – quay người đột ngột – bước chéo (trong các tình huống toan tính, giận dữ)	Cái biểu đạt: hành động lịch, nhanh. Cái được biểu đạt: tức giận, bộc phát.	Representamen: phất – xoay. Object: cơn ghen, sự tức giận. Interpretant: bùng nổ cảm xúc lịch chuẩn.	Mã văn hoá: phản ứng ghen tuông, tức tối. Mã nghệ thuật: dùng động tác lịch chuẩn cả về tinh thần lẫn vũ đạo để biểu hiện. Mã thẩm mỹ: kịch tính, mãnh liệt.
3	<i>Đào lãng</i>	Nghiêng đầu – mỉm cười – che quạt nửa mặt	Cái biểu đạt: nụ cười, quạt. Cái được biểu đạt: duyên dáng, tình tứ.	Representamen: nụ cười, quạt. Object: hành vi mời gọi nhẹ. Interpretant: nữ tính, e ấp.	Mã văn hoá: biểu tượng mỹ nhân thanh lịch. Mã nghệ thuật: dùng đạo cụ quạt mềm cách điệu cùng với nghệ thuật diễn xuất. Mã thẩm mỹ: đẹp duyên – kín đáo.
		Bước nhẹ ba bước – xoay người – nhìn nghiêng	Cái biểu đạt: bước nhỏ, xoay. Cái được biểu đạt: yêu kiều, uyển chuyển.	Representamen: bước và ánh nhìn. Object: hành vi di chuyển nhẹ. Interpretant: nét mềm, tình.	Mã văn hoá: biểu trưng người con gái đoan hòa. Mã nghệ thuật: nhịp $\frac{3}{4}$, trống văn kết hợp vũ đạo các bộ chân tay hài hoà. Mã thẩm mỹ: nữ tính – sống động.
4	<i>Đào võ</i>	Chắp tay – quỳ một gối – cúi đầu trước cờ nghĩa	Cái biểu đạt: chắp tay, quỳ. Cái được biểu đạt: trung hiếu, nguyện thề.	Representamen: tư thế quỳ. Object: hành vi tuyên thệ. Interpretant: lòng trung.	Mã văn hoá: nữ tướng trung trinh. Mã nghệ thuật: nhịp trống văn. Mã thẩm mỹ: đẹp trang nghiêm – tĩnh cương.
		Cầm kiếm xoay vòng – hô lệnh – dừng thế tấn	Cái biểu đạt: chuyển động mạnh. Cái được biểu đạt: oai dũng, kiên định.	Representamen: xoay – tấn. Object: hành động ra quân. Interpretant: chí khí nữ tướng.	Mã văn hoá: 'nữ nhi làm tướng'. Mã nghệ thuật: trống võ, thế tấn chắc. Mã thẩm mỹ: hùng – đẹp – dứt khoát.

Tổng kết về bảng mã hoá và giải mã một số vũ đạo mô hình nhân vật đào, NCS đúc rút một số những nhận diện về mô hình vũ đạo nhân vật đào trong Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học. Bảng trên cho thấy rằng vũ đạo Tuồng của mô hình nhân vật đào trong Tuồng là một hệ thống ký hiệu đa tầng, trong đó mỗi động tác không chỉ mang giá trị biểu hiện nghệ thuật mà còn là phương tiện truyền tải tư tưởng xã hội và văn hóa của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

2.3. Mô hình nhân vật Nịnh :

2.3.1. Mô hình nhân vật Nịnh trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống :

Những đặc trưng của mô hình nhân vật Nịnh, cũng như đặc trưng của các mô hình nhân vật Nịnh gốc, Nịnh mọt.

2.3.2. Mô hình vũ đạo nhân vật Nịnh trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Những đặc trưng của mô hình vũ đạo của nhân vật Nịnh trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống. Đi đến phân tích mô hình vũ đạo của các nhân vật Nịnh gốc, Nịnh mọt.

2.3.3. Mã hoá và giải mã mô hình vũ đạo nhân vật Nịnh :

NCS đưa ra bảng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng của mô hình nhân vật Nịnh (gốc, mọt.....) dưới góc nhìn ký hiệu học của Saussure, Peirce và Eco.

stt	Mô hình	động tác/ vũ đạo tiêu biểu	Saussure: Cấp độ mã hoá	Peirce: Tam giác ký hiệu	Eco: Giải mã theo mã văn hoá – nghệ thuật – thẩm mỹ
1	Nịnh gốc (Nịnh lớn)	Cúi người sâu – hai tay chấp trước ngực – nụ cười gượng	Cái biểu đạt: lễ nghi giả. Cái được biểu đạt: nịnh hót, giả trung.	Representamen: dáng cúi. Object: hành vi xu nịnh. Interpretant: giả đạo đức.	Mã văn hoá: phản gương lễ nghĩa. Mã nghệ thuật: nhịp tĩnh, hơi dài. Mã thẩm mỹ: đạo đức giả – mỉa – gượng.
		Giơ tay cao – chỉ người khác – cười lớn	Cái biểu đạt: chỉ, cười. Cái được biểu đạt: tố cáo giả, vu vạ.	Representamen: tay – tiếng cười. Object: hành động đổ lỗi. Interpretant: mưu mô.	Mã văn hoá: kẻ gian tà. Mã nghệ thuật: động tác chéo, lệch. Mã thẩm mỹ: lệch – gắt – méo.
2	Nịnh mọt (nịnh nhỏ)	Cúi người – vuốt râu – cười nịnh	Cái biểu đạt: vuốt râu, cười. Cái được biểu đạt: tăng bốc, xu nịnh.	Representamen: dáng cúi. Object: hành vi lấy lòng. Interpretant: giả tạo, khôn vật.	Mã văn hoá: tiểu nhân xu phụ. Mã nghệ thuật: động tác mềm. Mã thẩm mỹ: nịnh – ngọt – giả.
		Chấp tay – gật đầu liên tục – cười khúm núm	Cái biểu đạt: gật, cười. Cái được biểu đạt: vâng dạ giả.	Representamen: cổ, miệng. Object: vâng mệnh giả. Interpretant: dối trá.	Mã văn hoá: xu nịnh cấp thấp. Mã nghệ thuật: tĩnh giả động. Mã thẩm mỹ: nhún – méo – lệch.

Tổng kết về bảng mã hoá và giải mã một số vũ đạo mô hình nhân vật nịnh, NCS đúc rút một số những nhận diện về mô hình vũ đạo nhân vật nịnh trong Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu

học. Bảng trên cho thấy rằng vũ đạo Tuồng của nhân vật nịnh là một hệ thống ký hiệu đa tầng, trong đó mỗi động tác không chỉ mang giá trị biểu hiện nghệ thuật mà còn là phương tiện truyền tải tư tưởng xã hội và văn hóa.

2.4. Mô hình nhân vật Khác (lão- mục- tiên- hề) :

2.4.1. Mô hình nhân vật khác (lão- mục- tiên- hề) trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Những đặc trưng của mô hình vũ đạo của nhân vật khác (lão- mục- tiên- hề) trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống. Đi đến phân tích mô hình vũ đạo của các nhân vật lão với nhiều dạng mô hình khác nhau; mục - tiên – hề cũng được NCS phân tích đặc trưng của mô hình nhân vật.

2.4.2. Mô hình vũ đạo nhân vật khác (lão- mục- tiên- hề) trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Những đặc trưng của mô hình vũ đạo của nhân vật khác trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống. Đi đến phân tích mô hình vũ đạo của các nhân vật lão- mục- tiên- hề trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

2.4.3. Mã hoá và giải mã mô hình vũ đạo nhân vật khác (lão- mục- tiên- hề) :

NCS đưa ra bảng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng của mô hình nhân vật khác (lão, mục, tiên, hề) dưới góc nhìn ký hiệu học của Saussure, Peirce và Eco.

<i>stt</i>	<i>Mô hình</i>	<i>động tác/ vũ đạo tiêu biểu</i>	<i>Saussure: Cấp độ mã hoá</i>	<i>Peirce: Tam giác ký hiệu</i>	<i>Eco: Giải mã theo mã văn hoá – nghệ thuật – thẩm mỹ</i>
1	Lão	Chống gậy – bước chậm – khễ gặt đầu	Cái biểu đạt: bước chậm, gặt. Cái được biểu đạt: sự điềm đạm, từng trải.	Representamen: dáng đi. Object: hành vi suy tư. Interpretant: minh triết.	Mã văn hoá: đạo nhân nghĩa. Mã nghệ thuật: tĩnh vô, nhịp chậm. Mã thẩm mỹ: trầm – cao – tĩnh.
		Ngẩng nhìn trời – chấp tay – thở dài	Cái biểu đạt: chấp, thở. Cái được biểu đạt: cảm thán, lo cho đời.	Representamen: dáng nhìn. Object: phản ứng với thời thế. Interpretant: trung nghĩa, lo dân.	Mã văn hoá: hiền triết, trung quân. Mã nghệ thuật: tiết chế cảm xúc. Mã thẩm mỹ: u hoài – sâu sắc.
2	Mục	Chống nạnh – hất đầu – lườm mạnh	Cái biểu đạt: chống nạnh, hất đầu. Cái được biểu đạt: kiêu căng, thách thức.	Representamen: tư thế đứng. Object: hành vi phản kháng. Interpretant: quyền lực dân gian.	Mã văn hoá: nữ quyền dân gian. Mã nghệ thuật: động tác võ hoá. Mã thẩm mỹ: mạnh – hài – chua.
		Khoanh tay – cười khẩy – bước tới chậm	Cái biểu đạt: cười, bước chậm. Cái được biểu đạt: khinh đời, mỉa mai.	Representamen: nụ cười. Object: lời nói ẩn ý. Interpretant: trí tuệ châm biếm.	Mã văn hoá: phản ứng xã hội. Mã nghệ thuật: tiết tấu chậm. Mã thẩm mỹ: sâu – mỉa – duyên.
3	Hề	Nhảy lò cò – cười toe – gãi	Cái biểu đạt: nhảy, cười.	Representamen: dáng nhảy.	Mã văn hoá: dân gian hài hước.

		đầu	Cái được biểu đạt: sự ngốc nghếch, hồn nhiên.	Object: hành động vui đùa. Interpretant: ngây thơ – thông minh ngầm.	Mã nghệ thuật: lệch nhịp – phi lý. Mã thẩm mỹ: hài – duyên – dân dã.
		Trượt chân – ngã giả – bật dậy cười	Cái biểu đạt: ngã, bật dậy. Cái được biểu đạt: vượt qua bi kịch.	Representamen: ngã – đứng. Object: hành động tự cứu. Interpretant: kiên cường – lạc quan.	Mã văn hoá: tinh thần dân gian. Mã nghệ thuật: hài hình thể. Mã thẩm mỹ: bi – hài – nhân bản.
4	Tiên	Xoay nhẹ – nâng tay – nghiêng đầu	Cái biểu đạt: tay, đầu. Cái được biểu đạt: sự mềm mại, thanh thoát.	Representamen: chuyển động tròn. Object: sự bay bổng. Interpretant: sự cao quý, phi tục.	Mã văn hoá: hình ảnh siêu phàm. Mã nghệ thuật: vũ đạo nhẹ, bay. Mã thẩm mỹ: thanh – cao – sáng.
		Bước ba nhịp – dang tay – nhìn xa	Cái biểu đạt: bước, nhìn. Cái được biểu đạt: hướng thiện, cứu độ.	Representamen: dáng đứng. Object: khát vọng an lành. Interpretant: lòng từ bi.	Mã văn hoá: Phật – Đạo giao thoa. Mã nghệ thuật: động trong tĩnh. Mã thẩm mỹ: hiền – sáng – nhẹ.

Bảng trên cho thấy rằng vũ đạo nhân vật khác như lão, mù, tiên, hề trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống là một hệ thống ký hiệu đa tầng, trong đó mỗi động tác không chỉ mang giá trị biểu hiện nghệ thuật, mà còn là phương tiện truyền tải tư tưởng xã hội và văn hóa.

Dưới góc nhìn ký hiệu học về mã, NCS đưa ra Bảng tham chiếu tổng hợp về mã chung cho các mô hình nhân vật trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Mô hình nhân vật	Tiểu loại	Mã văn hoá (Cultural Code)	Mã nghệ thuật (Artistic Code)	Mã thẩm mỹ (Aesthetic Code)
KÉP	Văn – Võ – Pha Võ – Con – Rắn- tướng Lớn – tướng Nhỏ – Nịnh	Chính khí – trung hiếu – nghĩa dũng- Quyền lực – đạo lý – phản bội – trung liệt	Bộ pháp mạnh, tay kiếm, võ đạo tiết nhịp- Võ đạo uy nghi, thủ pháp mạnh.	Bi – Hùng – Động
ĐÀO	Chính – Lệnh – Lãng – Võ	Trung trinh – nữ quyền – tình cảm – trí tuệ	Vũ đạo mềm mại, ngữ bộ uyển chuyển, giọng thanh	Bi – Mị – Lệ
NỊNH	Nhỏ – Mọt – Tướng	Giả trá – khôn vặt – phản đạo lý	Thủ pháp giả lễ, nhịp gập gềnh, dáng khúm núm	Hài – Lệnh – Méo
LÃO – MỤ – HỀ – TIÊN	LÃO – MỤ – HỀ – TIÊN (cấp II)	Minh triết – dân gian – trí tuệ – thiện mỹ	Tĩnh – Hài – Mềm – Bay	Tĩnh – Hài – Linh

Tiểu kết chương 2:

Nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống nói chung và nghệ thuật vũ đạo Tuồng nói riêng là một hệ thống ký hiệu học (semiotic system) phong phú, trong đó mỗi hành động, vũ đạo, phục trang, lời hát hay ánh nhìn đều mang giá trị biểu đạt (signifier) và được giải mã (signified) trong một ngữ cảnh văn hoá cụ thể. Dưới góc nhìn ký hiệu học của Ferdinand de Saussure, Charles Sanders Peirce và Umberto Eco, Tuồng không chỉ là nghệ thuật biểu diễn mà còn là hệ thống mã (code system) phản ánh đạo lý, triết học và nhân sinh quan của dân tộc Việt Nam.

Mỗi yếu tố biểu diễn trong Tuồng; Mỗi động tác vũ đạo, có thể được phân tích theo ba cấp mã (three code levels): Mã Văn hoá (Cultural Code) : phản ánh giá trị đạo đức, chuẩn mực xã hội, tín ngưỡng và triết học dân tộc. Mã Nghệ thuật (Artistic Code): hệ thống thủ pháp biểu diễn – vũ đạo, giọng hát, phục trang, đạo cụ. Mã Thẩm mỹ (Aesthetic Code): giá trị cảm xúc, bi – hài – hùng – linh, hướng tới trải nghiệm thẩm mỹ của người xem.

Vũ đạo Tuồng truyền thống Việt Nam như là một hình thái sân khấu ký hiệu học hoàn chỉnh, nơi mỗi nhân vật và động tác đều mang cấu trúc ba tầng: ngôn ngữ biểu đạt (signifier), ý nghĩa biểu đạt (signified), và diễn giải (interpretant). Từ hệ mã văn hoá (Cultural Code) đến mã nghệ thuật (Artistic Code) và mã thẩm mỹ (Aesthetic Code), Tuồng kiến tạo một vũ trụ biểu tượng – một sân khấu đạo lý, nơi bi và hài, chính và tà, động và tĩnh cùng tồn tại trong trạng thái cân bằng nghệ thuật (artistic harmony). Dưới góc nhìn của Saussure, Peirce và Eco, Tuồng Việt Nam không chỉ là nghệ thuật biểu diễn mà còn là ngôn ngữ triết học của văn hoá Việt – một hệ thống ký hiệu học nhân bản và đa tầng nghĩa.

Sự đa nghĩa, đa tầng trong Vũ đạo của các mô hình nhân vật Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học, cho phép người biểu diễn khai thác để làm phong phú, ý nghĩa và chuẩn xác những vũ đạo của mô hình nhân vật mình thể hiện. Các nhà dàn dựng, các nhà nghiên cứu có thể ứng dụng vào quá trình dàn dựng các tác phẩm sân khấu truyền thống. Đặc biệt các nhà nghiên cứu khán giả có thể đưa ra những cách thức tiếp cận mới của nghệ thuật biểu diễn Tuồng tới khán giả hôm nay, như lặp lại các motif nhân vật Tuồng bằng văn bản, hình ảnh....nhằm “lập mã”, “dạy mã” cho khán giả, khiến họ hiểu Tuồng và “đọc” được các mã của nghệ thuật Tuồng, từ đó thấy được cái hay, cái đẹp, các lớp nghĩa sâu rộng của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

Dưới góc nhìn ký hiệu học, có thể thấy mô hình các nhân vật Tuồng truyền thống, để tiếp cận đến được với khán giả, để khán giả hiểu và yêu Tuồng, trong quá trình biểu diễn, các mã biểu diễn và mã tiếp nhận được mở ra....và rõ ràng qua trình “đọc” thông tin và nhân vật Tuồng của khán giả qua các mã văn hoá, nghệ thuật và thẩm mỹ là vấn đề quan trọng, nhằm kéo khán giả đến với cái hay, cái đẹp của Tuồng....

CHƯƠNG 3

ỨNG DỤNG MÃ HOÁ VÀ GIẢI MÃ VŨ ĐẠO TUỒNG TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỆ THUẬT TUỒNG

3.1. Ứng dụng bảng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học trong bảo tồn giá trị của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

3.1.1. Bối cảnh đương đại và những vấn đề đặt ra đối với vũ đạo Tuồng:

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và sự phát triển mạnh mẽ của đời sống văn hoá – nghệ thuật đương đại, vũ đạo Tuồng đang đứng trước nhiều biến đổi sâu sắc. Dưới góc nhìn ký hiệu học, vũ đạo Tuồng được xem là một hệ thống ký hiệu nghệ thuật đặc thù, trong đó mỗi động tác hình thể không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn hàm chứa những tầng ý nghĩa văn hoá - tư tưởng sâu xa. Những thay đổi trong môi trường biểu diễn và tiếp nhận hiện nay đã làm suy giảm khả năng giải mã hệ thống ký hiệu này, đặt ra yêu cầu cấp thiết về bảo tồn và phát triển.

3.1.2. Bảo tồn vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học (bảo tồn vũ đạo Tuồng như một hệ thống mã ký hiệu):

Từ quan điểm ký hiệu học, bảo tồn vũ đạo Tuồng không chỉ dừng lại ở việc ghi chép, phục dựng động tác mà quan trọng hơn là bảo tồn toàn bộ hệ thống mã bao gồm: Mã động tác (bộ tay, bộ chân, thế đứng, thế đi); Mã không gian (trung cung, biên cung, tuyến di chuyển); Mã nhịp điệu (quan hệ giữa động tác - nhạc - trống - phách); Mã biểu trưng (ý nghĩa xã hội, đạo đức, thẩm mỹ gắn với động tác).

Bảo tồn không chỉ hình thức bên ngoài mà còn bảo tồn các tầng lớp sâu rộng ý nghĩa ký hiệu của động tác, để tránh việc vũ đạo Tuồng sẽ bị “rỗng hoá”, trở thành những động tác mô phỏng mà thiếu đi chiều sâu văn hoá.

Nghệ nhân và diễn viên Tuồng chính là chủ thể mang mã, đồng thời là người truyền mã. Trong thực tế, nhiều mã vũ đạo Tuồng tồn tại dưới dạng tri thức ngầm, chỉ được truyền thông qua thực hành biểu diễn và quá trình “cầm tay chỉ việc”. Vai trò của nghệ nhân, nghệ sĩ như “kho lưu trữ sống” của hệ thống ký hiệu, vai trò này cần ngày được trân trọng và gìn giữ.

Bảo tồn vũ đạo Tuồng với việc xây dựng hệ thống mã hoá có thể đưa vào công tác giảng dạy, nghiên cứu Tuồng, để việc tiếp cận và học hỏi nghệ thuật vũ đạo Tuồng trở nên khoa học, rõ ràng hơn. Công tác bảo tồn vũ đạo Tuồng không chỉ là lưu giữ hình thức động tác mà còn là bảo tồn toàn bộ hệ thống mã ký hiệu bao gồm mã động tác, mã không gian, mã nhịp điệu và mã biểu trưng. Việc bảo tồn cần gắn liền với công tác nghiên cứu, hệ thống hoá và truyền dạy về nghệ thuật Tuồng, công tác bảo tồn này rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay theo những quy định mới nhất có trong luật di sản quốc gia Việt Nam.

3.1.3. Ứng dụng trong bảo tồn, lưu trữ và số hoá vũ đạo Tuồng:

Dưới góc nhìn ký hiệu học (semiotic perspective), mỗi động tác, tư thế, ánh nhìn, nhịp bước trong Tuồng đều là một ký hiệu đa tầng nghĩa (multilayered sign). Khi được mã hoá bằng bảng ký hiệu (bảng coding/decoding), hệ thống này trở thành ngôn ngữ hình thể có thể lưu trữ, phân tích và tái tạo bằng công nghệ số. Như Umberto Eco đã khẳng định, ký hiệu luôn mở cho việc tái diễn giải trong các ngữ cảnh mới - điều này cho phép vũ đạo Tuồng tồn tại trong không gian số (digital space) mà vẫn giữ bản sắc nguyên gốc.

3.1.4. Ứng dụng trong bảo tồn và giáo dục những giá trị của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Việc lưu trữ và mã hoá vũ đạo Tuồng không chỉ phục vụ nghiên cứu, mà còn đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và giáo dục nghệ thuật truyền thống, đưa nghệ thuật truyền thống tới gần với khán giả, giúp họ hiểu biết sâu rộng hơn về những giá trị của nghệ thuật truyền thống. Các ứng dụng nổi bật gồm: Phục dựng sân khấu cổ truyền; Hợp nhất tư liệu dữ liệu để khán giả có thể truy cập, tìm kiếm thông tin, ký hiệu mã, giải mã của hệ thống ký hiệu vũ đạo Tuồng trong tương lai không xa; Bảo tồn qua trình diễn tương tác; Giáo dục: Đưa Tuồng vào trường học, giảng dạy trong các trường nghệ thuật, mở lớp cộng đồng;

- Truyền thông: Quảng bá về mô hình nhân vật Tuồng, vũ đạo của các mô hình nhân vật Tuồng bằng văn bản ký hiệu hoặc hình ảnh trực quan mô phỏng bằng hình hoạ, hình ảnh tĩnh hoặc các clip động qua phim tài liệu, mạng xã hội, du lịch văn hóa...;

Bảo tồn những giá trị văn hoá của dân tộc bằng quảng bá nghệ thuật Tuồng trong và ngoài nước bởi các liên hoan sân khấu ca kịch trong nước hoặc các liên hoan sân khấu xung quanh khu vực để khẳng định bản sắc Việt qua các tác phẩm nghệ thuật Tuồng.

3.2. Ứng dụng bảng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học trong phát huy những giá trị của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống

3.2.1. Phát huy giá trị vũ đạo Tuồng trong đời sống nghệ thuật đương đại:

Phát huy thông qua tái ngữ cảnh hoá ký hiệu vũ đạo. Phát huy vũ đạo Tuồng không đồng nghĩa với việc giữ nguyên mọi hình thức biểu đạt. Dưới góc nhìn ký hiệu học, phát huy chính là

quá trình tái ngữ cảnh hoá(recontextualization), trong đó: Hệ thống mã cơ bản được giữ vững; cách tổ chức mã có thể linh hoạt để phù hợp với không gian và đối tượng công chúng mới.

Việc tái ngữ cảnh hoá cần dựa trên nguyên tắc không phá vỡ mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt, tránh tình trạng “hiện đại hoá hình thức nhưng làm sai lệch nội dung ký hiệu”. Đây là con đường giúp vũ đạo Tuồng tiếp tục tồn tại và phát huy trong môi trường nghệ thuật đương đại.

3.2.2. Ứng dụng mã hoá và giải mã vũ đạo trong biểu diễn Tuồng hiện đại (các vở truyền thống ở thời hiện đại và các vở đề tài hiện đại):

NCS tập trung vào việc khảo sát và ứng dụng mã hoá – giải mã vũ đạo trong Tuồng hiện đại với những vấn đề về biểu diễn, không gian sân khấu Tuồng.... Dưới góc nhìn ký hiệu học (semiotics), vũ đạo Tuồng không chỉ là hệ thống hình thể ước lệ, mà còn là một mạng lưới ký hiệu (symbolic system) có khả năng tái cấu trúc, chuyển mã (transcoding) và mở rộng nghĩa (semiosis) khi được đặt trong các ngữ cảnh sân khấu mới.

Từ các quan điểm ký hiệu học của Ferdinand de Saussure, mỗi yếu tố hình thể trong vũ đạo Tuồng là một signifier (cái biểu đạt) gắn liền với signified (cái được biểu đạt). Mối quan hệ này tạo nên cấu trúc biểu nghĩa đặc thù của nghệ thuật Tuồng. Charles Sanders Peirce mở rộng khái niệm đó qua mô hình tam giác ký hiệu gồm icon, index và symbol. Trong đó, động tác tay, ánh mắt hay nhịp chân của diễn viên Tuồng có thể là “icon” (mô phỏng hình ảnh), “index” (chỉ dấu tâm lý), và “symbol” (quy ước văn hoá). Theo Umberto Eco, trong tác phẩm mở “open work”, mỗi ký hiệu có thể được tái mã hoá vô hạn, cho phép Tuồng trở thành chất liệu mở cho sáng tạo sân khấu đương đại.

3.2.3. Ứng dụng mã hoá và giải mã vũ đạo trong thiết kế trang trí, nghệ thuật dàn dựng của đạo diễn:

Trong giai đoạn Tuồng hiện đại, mã hoá - giải mã không chỉ nằm ở diễn viên mà còn trong toàn bộ thiết kế sân khấu, nghệ thuật dàn dựng của đạo diễn. Đạo diễn là người tái mã hoá các yếu tố cổ truyền thành ngôn ngữ sân khấu mới: Ánh sáng thay cho đạo cụ, âm nhạc thay cho lời thoại, không gian trống thay cho phong cảnh hiện thực. Cấu trúc dàn dựng Tuồng hiện đại hướng đến sự tối giản - nhưng mang tính biểu tượng cao, giúp mã vũ đạo được phóng chiếu mạnh mẽ hơn.

3.2.4. Ứng dụng mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng trong một số hình thức biểu diễn hiện đại khác:

Trong sân khấu Kịch Nói:

Trong sân khấu kịch nói, việc ứng dụng vũ đạo Tuồng thể hiện ở xu hướng hình thể hoá hành động kịch. Nhiều đạo diễn đã sử dụng các mã hình thể Tuồng để tạo nhịp điệu và cấu trúc cho hành vi nhân vật. Sự kết hợp và ứng dụng ngôn ngữ hình thể Tuồng hay vũ đạo Tuồng và những ký hiệu của nó không chỉ là sự cách tân hình thức mà còn là quá trình tái cấu trúc ngôn ngữ sân khấu Việt Nam theo hướng dân tộc – hiện đại, mà còn là những chất liệu giúp các đạo diễn kế thừa, ứng dụng trong nghệ thuật dàn dựng nhằm làm phong phú các ý đồ nghệ thuật của đạo diễn.

Hiệu quả khi ứng dụng vũ đạo Tuồng vào sân khấu Kịch nói đã có khá nhiều các nhà đạo diễn, các nhà nghiên cứu sân khấu thử nghiệm trong những sáng tạo của họ. Kịch nói với việc hướng tới những sự thử nghiệm mới lạ cũng không ngừng tìm tòi và vận dụng trong xu thế mở của sân khấu ngày hôm nay. Hệ thống mã ký hiệu của Tuồng như trụ, thân pháp, tiết tấu, và biểu tượng nhân vật (đào – tướng – nịnh – hề...), cùng với những biến tấu của nó khi ứng dụng vào sân khấu Kịch nói đã và đang mang lại những sự sáng tạo mới, như một hình thức kịch biểu hiện giàu tính văn hóa, khẳng định sức sống của Tuồng trong đời sống sân khấu đương đại.

Trong sân khấu ca nhạc hiện đại và trình diễn đại chúng:

Trong không gian sân khấu ca nhạc và trình diễn đại chúng, vũ đạo Tuồng xuất hiện như một “cultural code” (mã văn hoá) giúp định danh bản sắc Việt Nam, làm cho khán giả thấy sự khác biệt của văn hoá Việt với văn hoá khác.

Các chương trình như liên hoan nghệ thuật dân gian, lễ hội âm nhạc truyền thống hay nhiều MV dân gian đương đại đã vận dụng các động tác Tuồng như cách chào, cầm quạt, liếc mắt, nhắc chân theo tiết tấu. Những yếu tố này vừa giữ tính biểu trưng, vừa được tái nghĩa (re-semiotization) trong môi trường âm nhạc hiện đại, tạo nên sự giao thoa giữa truyền thống và các nền văn hoá đại chúng khác nhau như pop culture, rock....

Việc ứng dụng mã hoá - giải mã vũ đạo Tuồng trong biểu diễn hiện đại không chỉ góp phần bảo tồn di sản văn hoá phi vật thể, mà còn mở ra khả năng đối thoại giữa truyền thống và hiện đại. Dưới ánh sáng của ký hiệu học, Tuồng không còn bị đóng khung như hình thức cổ truyền, mà trở thành chất liệu có khả năng tạo sinh nghĩa mới trong mọi loại hình nghệ thuật.

Đây cũng là hướng phát triển bền vững của sân khấu Việt Nam trong thế kỷ XXI – một nền nghệ thuật vừa mang bản sắc dân tộc, vừa hội nhập quốc tế qua ngôn ngữ biểu tượng toàn cầu

3.3. Ứng dụng bảng Mã hoá và giải mã vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học trong phát triển giá trị của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

3.3.1. Phát triển vũ đạo Tuồng - từ bảo tồn mã sang sáng tạo ký hiệu mới:

Phát triển vũ đạo Tuồng như một hệ thống ký hiệu mở, có khả năng tiếp nhận và chuyển hoá các yếu tố mới. Phát triển vũ đạo Tuồng không phải là tạo ra các động tác hoàn toàn xa lạ, mà là: Mở rộng khả năng biểu đạt của các mã truyền thống; tạo ra các tổ hợp mã mới dựa trên nền tảng cũ. Phát triển vũ đạo Tuồng cần được đặt trong tư duy ký hiệu học, coi đây là một hệ thống mở, có khả năng sáng tạo các tổ hợp ký hiệu mới trên nền tảng truyền thống, đồng thời tránh nguy cơ lệch mã và mất mã.

3.3.2. Ứng dụng trong phát triển đa phương tiện và số hoá vũ đạo Tuồng:

Vũ đạo Tuồng khi được mã hoá bằng bảng ký hiệu (bảng coding/decoding), sẽ trở thành ngôn ngữ hình thể có thể lưu trữ, phân tích và tái tạo bằng công nghệ số. Như Umberto Eco đã khẳng định, ký hiệu luôn mở cho việc tái diễn giải trong các ngữ cảnh mới – điều này cho phép vũ đạo Tuồng tồn tại trong không gian số (digital space) mà vẫn giữ bản sắc nguyên gốc.

Ứng dụng bảng mã hoá – giải mã giúp hình thành một hệ thống lưu trữ vũ đạo Tuồng mang tính khoa học và bền vững. Cụ thể gồm các hướng triển khai sau: Xây dựng cơ sở dữ liệu động tác Tuồng (Tuong Motion Database); Số hoá 3D/VR: Tái tạo chuyển động vũ đạo Tuồng bằng công nghệ “motion capture” và “3D scanning”; Tạo thư viện đa phương tiện tương tác (video, hình ảnh, âm thanh, chú giải ký hiệu học) cho mục đích học tập và nghiên cứu Tuồng; Ứng dụng AI và chuyển đổi công nghệ số trong nhận diện động tác vũ đạo Tuồng – dùng mô hình học máy để phân tích, gắn nhãn ký hiệu (annotation) cho từng đoạn vũ đạo, hoặc từng lớp vũ đạo trong video; Phát triển nền tảng nghiên cứu liên ngành: Kết nối ký hiệu học, nghệ thuật học, khoa học dữ liệu và truyền thông số (digital humanities).

Đây là bước tiến quan trọng trong hiện đại hoá di sản văn hoá, gắn kết giữa truyền thống, ký hiệu và công nghệ, giúp Tuồng không chỉ được lưu giữ mà còn được tái sinh trong không gian số.

3.3.3. Ứng dụng trong phát triển những giá trị của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống:

Việc hướng tới phát triển những giá trị của nghệ thuật biểu diễn Tuồng trong giai đoạn hiện nay đóng vai trò quan trọng nhằm đưa nghệ thuật truyền thống tới gần với khán giả, giúp họ hiểu biết sâu rộng hơn về những giá trị của nghệ thuật truyền thống. Phục dựng sân khấu cổ truyền. Xây dựng và phát triển những ngân hàng dữ liệu nghệ thuật vũ đạo quốc gia trong đó có vũ đạo Tuồng truyền thống; Phát triển những chương trình biểu diễn tương tác; Phát triển nền tảng nghiên cứu liên ngành; Phát triển vấn đề truyền thông về cái hay cái đẹp và những giá trị của nghệ thuật Tuồng và vũ đạo Tuồng; Phát triển mạng lưới marketing văn hoá. Phát triển

sự kết hợp nghệ thuật biểu diễn Tuồng với các loại hình nghệ thuật hiện đại, đa phương tiện hôm nay.

3.4. Bảng phân tích bảo tồn – phát huy – phát triển vũ đạo Tuồng trong giai đoạn hiện nay:

Bảng phân tích bảo tồn – phát huy – phát triển dựa trên góc nhìn ký hiệu học như một cách tiếp cận chuyển dịch tư duy bảo tồn từ việc lưu giữ hình thức sang bảo tồn logic ký hiệu, đồng thời mở ra hướng phát triển vũ đạo Tuồng một cách chủ động, có cơ sở lý luận và tránh nguy cơ lệch mã trong sáng tạo đương đại. Ở đây NCS đưa ra phân tích bảo tồn- phát huy- phát triển một số vũ đạo của một số nhân vật trong ba vở khảo sát của luận án như một trong những phương án tham khảo cho công tác bảo tồn phát huy và phát triển những giá trị của vũ đạo Tuồng truyền thống.

3.4.1. Bảng phân tích bảo tồn – phát huy – phát triển vũ đạo Tuồng trong vở Sơn Hậu

Nhân vật	Loại vai	Yếu tố vũ đạo tiêu biểu	Cái biểu đạt (mã hoá)	Cái được biểu đạt (giải mã ký hiệu)	Bảo tồn – Phát huy (thực tiễn)	Định hướng phát triển (ký hiệu học)
Khương Linh Tá	Kép tướng	Bộ chân, thế đứng trung cung	Bước đi chậm, trọng tâm thấp, thân trên ổn định	Quyền uy, trung nghĩa, trụ cột đạo lý phong kiến	Cần bảo tồn nhịp – lực – trục cơ thể; phát huy bằng bố cục sân khấu và ánh sáng trung cung	Mở rộng biểu đạt nội tâm qua tiết tấu chậm hơn nhưng không phá vỡ ngữ pháp Tuồng
Tạ Ôn Đình	Kép võ (Tướng gian)	Bộ tay, bộ chân lệch trục	Động tác nhanh, lệch trọng tâm, ánh mắt đảo	Gian thần, mưu mô, bất ổn đạo lý	Bảo tồn sự đối lập hình thể với vai trung; phát huy bằng nhịp điệu gấp	Phát triển chiều sâu tâm lý bằng tương phản nhịp – không gian

3.4.2. Bảng phân tích bảo tồn – phát huy – phát triển vũ đạo Tuồng trong vở Võ Tam Tư trăm cáo:

Nhân vật	Loại vai	Yếu tố vũ đạo tiêu biểu	Cái biểu đạt (mã hoá)	Cái được biểu đạt (giải mã ký hiệu)	Bảo tồn – Phát huy (thực tiễn)	Định hướng phát triển (ký hiệu học)
Tiết Giao	Kép võ (tướng con)	Bộ chân vững chắc, tay khoan thai, vững vàng, nahn nhẹn, khoẻ đẹp	Động tác nhanh nhẹn, dứt khoát, tiết tấu nhanh	Linh hoạt, mưu mô, thông minh	Bảo tồn những tạo hình về mặt hình thể của nhân vật trong các lớp diễn giao chiến, quyến rũ và đoạt ngọc	Phát triển với tiết tấu nhanh hơn, kèm âm nhạc, ánh sáng, và những xử lý kỹ thuật hình thể tinh tế hơn.
Hồ Nguyệt Cô	Đào Lãng	Chân, tay, toàn bộ hình thể nhanh	Động tác dứt khoát khi chiến	Thể hiện tinh thần và biểu tượng của	Bảo tồn những giá trị tạo hình độc	Phát triển chiều sâu tâm trạng, tình

		nhẹn, hoạt bát, uyển chuyển, mềm mại	đấu; mềm mại là lướt khi bị quuyến rũ và đoạt ngọc	người phụ nữ đầy khát vọng sống và yêu	đạo của vũ đạo nhân vật	cảm, hoàn cảnh bị ai của nhân vật...
--	--	--------------------------------------	--	--	-------------------------	--------------------------------------

3.4.3. Bảng phân tích bảo tồn – phát huy – phát triển vũ đạo Tuồng trong vở nữ tướng Đào Tam Xuân:

<i>Nhân vật</i>	<i>Loại vai</i>	<i>Yếu tố vũ đạo tiêu biểu</i>	<i>Cái biểu đạt (mã hoá)</i>	<i>Cái được biểu đạt (giải mã ký hiệu)</i>	<i>Bảo tồn – Phát huy (thực tiễn)</i>	<i>Định hướng phát triển (ký hiệu học)</i>
Đào Tam Xuân	Đào võ	Lên ngựa – xuống ngựa, bộ chân	Động tác khỏe, biên độ rộng, lực chắc	Khí phách nữ tướng, trung liệt	Bảo tồn cấu trúc ước lệ; phát huy bằng không gian và ánh sáng	Phát triển chiều sâu tâm lý bằng kéo dài tiết tấu ở đoạn bị kịch
Đào Tam Xuân (khi gặp bi kịch)	Đào võ – (nội tâm)	Bộ tay chậm, thân đổ nhẹ	Động tác chậm, lực giảm	Đau thương, xung đột trung – hiếu	Phát huy bằng nhịp điệu chậm và ánh sáng tối	Mở rộng khả năng biểu đạt nội tâm nhưng vẫn giữ ngữ pháp Tuồng
Cao Hoài Đức	Kép tướng lớn	Bộ chân trụ thấp, di chuyển vững chắc, chữ đỉnh. Bộ tay dứt khoát, vuốt râu nghiêm trang đạo mạo	Động tác mạnh, dứt khoát, quỹ đạo rộng	Tinh thần chính nghĩa, hành động vì công lý, chính nghĩa	Bảo tồn cấu trúc động tác; phát huy bằng tiết tấu trống dồn, gập trong các đoạn cao trào	Phát triển các yếu tố thủ pháp nghệ thuật Tuồng như cách điệu khao trương mà vẫn đảm bảo những quy tắc vũ đạo của nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

Tiểu kết chương 3:

Nghiên cứu về bảng mã hoá – giải mã vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học đã cho thấy sức mạnh biểu đạt và khả năng mở rộng của hệ thống vũ đạo Tuồng truyền thống. Trên cơ sở lý thuyết của Ferdinand de Saussure, Charles Sanders Peirce và Umberto Eco, luận án đã chỉ ra rằng mỗi động tác vũ đạo Tuồng là một cấu trúc ký hiệu (sign structure) bao gồm mối quan hệ giữa signifier (hình thức biểu đạt) và signified (ý nghĩa biểu đạt). Mỗi động tác vũ đạo, mỗi lớp vũ đạo bao hàm đa tầng ý nghĩa nhằm truyền tải thông điệp nhân vật Tuồng trình diễn đến người xem. Sự vận hành của quá trình “semiosis” trong vũ đạo Tuồng cho phép mỗi cử chỉ, tư thế trở thành kênh truyền tải giá trị thẩm mỹ, đạo đức và văn hoá. Từ nền tảng lý thuyết ký hiệu tiếp cận đó, đã giúp mở rộng ứng dụng bảng mã hoá – giải mã trong nhiều không gian biểu diễn hiện đại, từ sân khấu kịch nói, ca nhạc, đương đại, đến lưu trữ đa phương tiện và bảo tồn nghệ thuật truyền thống. Về đóng góp khoa học và giá trị thực tiễn, luận án hướng tới đóng góp ở ba bình diện chính: lý luận, thực hành và công nghệ.

Thứ nhất, về phương diện lý luận, mã hoá – giải mã đã đặt vũ đạo Tuồng vào hệ thống ngôn ngữ học thuật của ký hiệu học. Điều này góp phần khẳng định tính cấu trúc (structurality) của hình thể, vũ đạo Tuồng – không phải là chuỗi động tác ngẫu nhiên mà là hệ thống mã văn hoá có quy luật. Nghiên cứu cung cấp nền tảng cho việc so sánh Tuồng với các loại hình sân khấu châu Á như Noh (Nhật Bản) hay Kathakali (Ấn Độ), Kinh kịch (Trung Quốc) mở ra hướng nghiên cứu liên văn hoá (cross-cultural semiotics).

Thứ hai, về phương diện thực hành, hệ thống mã hoá - giải mã cho phép đạo diễn và diễn viên hiện đại tiếp cận Tuồng như một kho mã (code system) để sáng tạo ngôn ngữ biểu diễn mới. Sự kết hợp giữa vũ đạo Tuồng và ngôn ngữ kịch hình thể, múa đương đại hay trình diễn đa phương tiện đã chứng minh khả năng tương thích giữa truyền thống và hiện đại. Qua đó, Tuồng được tái hiện không như di sản quá khứ mà như nguồn năng lượng thẩm mỹ sống động ngày hôm nay.

Thứ ba, về phương diện công nghệ, việc ứng dụng bảng mã hoá – giải mã trong lưu trữ số và bảo tồn đa phương tiện là một bước đột phá. Nó giúp hình thành cơ sở dữ liệu vũ đạo (Tuong Motion Database), hệ thống nhận diện ký hiệu bằng trí tuệ nhân tạo, và mô hình bảo tồn tương tác qua công nghệ “AR/VR”. Đây là đóng góp thiết thực cho việc số hoá và truyền bá nghệ thuật Tuồng trong bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số.

Nghiên cứu vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học có ý nghĩa quan trọng về các mặt: Về khoa học, nó bổ sung lý thuyết ký hiệu học ứng dụng, mở rộng phạm vi nghiên cứu nhân văn. Về nghệ thuật, nghiên cứu khẳng định giá trị thẩm mỹ – ký hiệu của Tuồng, tạo nền tảng cho sáng tạo. Về xã hội, nghiên cứu góp phần bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, nâng cao nhận thức cộng đồng. Về giáo dục, nghiên cứu hướng tới cung cấp công cụ mới cho việc giảng dạy nghệ thuật truyền thống, giúp thế hệ trẻ tiếp cận dễ dàng hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế nhất định mà NCS có thể nhìn thấy và trăn trở. Thứ nhất, phạm vi khảo sát mới dừng ở một số mô hình nhân vật tiêu biểu và chưa bao quát hết hệ thống vũ đạo trong toàn bộ Tuồng cổ truyền. Thứ hai, các công cụ số hoá như “motion capture” hay “3D scanning” tại Việt Nam còn hạn chế, khiến việc triển khai cơ sở dữ liệu vũ đạo gặp khó khăn về kỹ thuật. Thứ ba, cần thêm các nghiên cứu liên ngành giữa ký hiệu học, công nghệ thông tin, mỹ học và giáo dục nghệ thuật để hoàn thiện mô hình bảo tồn tổng hợp.

Trong tương lai, hướng phát triển tiếp theo của đề tài có thể tập trung vào: Xây dựng bộ chuẩn mã hoá vũ đạo Tuồng toàn diện; phát triển phần mềm hỗ trợ lưu trữ, phân tích và giảng dạy Tuồng trực tuyến; mở rộng nghiên cứu sang ký hiệu học biểu cảm (expressive semiotics) để giải mã cảm xúc, tâm trạng, tính cách... của nhân vật Tuồng trong không gian biểu diễn số (digital performance space).

Tóm lại, nghiên cứu ứng dụng bảng mã hoá – giải mã vũ đạo Tuồng đã chứng minh khả năng tồn tại bền vững của nghệ thuật Tuồng trong thế giới hiện đại. Ký hiệu học trở thành cầu nối giữa truyền thống và công nghệ, giữa hình thể, vũ đạo và tư tưởng, giữa nghệ sĩ và công chúng, giữa tác phẩm và khán giả. Tuồng – với tư cách là di sản biểu diễn quý báu của dân tộc, là môn nghệ thuật bác học – đang bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên của số hoá, tái tạo và lan toả giá trị văn hoá Việt Nam ra toàn cầu.

Với chương 3 của luận án, NCS đã tiếp cận vũ đạo Tuồng như một hệ thống ký hiệu học sống, qua đó làm rõ mối quan hệ giữa bảo tồn – phát huy – phát triển trong bối cảnh đương đại. Việc bảo tồn không thể tách rời giải mã ký hiệu; phát huy cần dựa trên tái ngữ cảnh hoá; và phát triển phải được đặt trên nền tảng ý thức về mã và nghĩa. Đây chính là cơ sở lý luận quan trọng để vũ đạo Tuồng tiếp tục tồn tại và lan toả giá trị trong đời sống nghệ thuật hiện nay.

KẾT LUẬN

Luận án “Vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học” đã vận dụng cơ sở lý thuyết ký hiệu học tổng hợp từ các nhà ký hiệu học Ferdinand de Saussure, Charles Sanders Peirce và Umberto Eco, để nghiên cứu và giải mã hệ thống vũ đạo Tuồng của một số mô hình nhân vật trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng truyền thống.

Các kết quả nghiên cứu chính có thể khái quát như sau:

1. Vũ đạo Tuồng là một hệ thống ngôn ngữ ký hiệu đặc thù, trong đó mỗi động tác vũ đạo không chỉ mang ý nghĩa biểu hiện thẩm mỹ mà còn hàm chứa tầng nghĩa xã hội và văn hóa. Người diễn viên gửi gắm những thông điệp này trong biểu diễn và khán giả tiếp nhận nó trong quá trình thưởng thức.

2. Dưới góc nhìn ký hiệu học tổng hợp bởi lý thuyết của ba nhà ký hiệu hàng đầu: Saussure- vũ đạo được phân tích như quan hệ giữa cái biểu đạt (động tác) và cái được biểu đạt (ý nghĩa); Peirce - vũ đạo thể hiện đầy đủ tam đoạn: Representamen – object – interpretant (biểu trưng- đối tượng- diễn giải) , giúp lý giải cơ chế tiếp nhận và giải mã của khán giả Tuồng, tạo nên sự am hiểu, yêu thích Tuồng cho khán giả trẻ hôm nay; Eco – Vũ đạo Tuồng bao hàm mã của nghệ thuật biểu diễn Tuồng, mã văn hoá và thẩm mỹ, phân tích sâu rộng nghĩa của từng lớp động tác vũ đạo tiêu biểu trong mô hình nhân vật Tuồng truyền thống. NCS đã tổng hợp, tiếp cận và soi chiếu các vấn đề của mô hình nhân vật và mô hình vũ đạo Tuồng, cũng như đưa ra bảng mã hoá giải mã một số động tác vũ đạo của các mô hình nhân vật tiêu biểu. Từ đó luận bàn đến sự ứng dụng của chúng trong bảo tồn, phát huy và phát triển những giá trị quý báu của nghệ thuật Tuồng.

3. Vũ đạo Tuồng nằm trong semiosphere (kí hiệu quyển) văn hóa Việt Nam, nó trở thành một mã văn hóa phản ánh quan niệm đạo đức, tư tưởng thẩm mỹ và bản sắc dân tộc trong một thời kỳ giai đoạn lịch sử được cho là hoàng kim của sân khấu Tuồng. Việc nghiên cứu vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học và giúp mở ra cho khán giả thấy nhiều tầng lớp nghĩa và giá trị của văn hoá, thẩm mỹ, đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam. Đây cũng là hướng để mở ra những nghiên cứu sau này về ký hiệu của tất cả mọi thành tố trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng như hát , nói lối...để thấy những giá trị sâu rộng của toàn bộ nghệ thuật biểu diễn Tuồng chứ không chỉ là nghệ thuật vũ đạo nếu đặt nó trong hệ thống ký hiệu quyển (semiosphere) của học thuyết được đề xuất bởi nhà nghiên cứu văn hoá, văn học, ký hiệu học- Yuri Lotman. Đây cũng là một trong những kết luận mở của luận án mà NCS hướng tới giải quyết ở các nghiên cứu tiếp theo trong tương lai.

4. Bảng mã hóa và giải mã vũ đạo Tuồng của một số mô hình nhân vật tiêu biểu, cho thấy hệ thống động tác tiêu biểu của vũ đạo Tuồng có thể nghiên cứu sâu rộng thêm để được chuẩn hóa và có thể trở thành công cụ giảng dạy, nghiên cứu và bảo tồn nghệ thuật Tuồng truyền thống.

5. Các kết quả nghiên cứu vũ đạo Tuồng dưới góc độ tiếp cận lý thuyết ký hiệu học đã có những kết quả về bảng mã (mã hoá và giải mã) của một số động tác vũ đạo trong các mô hình nhân vật Tuồng tiêu biểu; cũng như hướng tới ứng dụng chúng trong biểu diễn hiện đại đa phương tiện và lưu trữ bảo tồn trong giai đoạn bùng nổ của công nghệ thông tin và chuyển đổi số hiện nay.

Kết quả nghiên cứu của luận án, không chỉ góp phần làm rõ giá trị thẩm mỹ – văn hóa của Tuồng mà còn mở ra hướng tiếp cận mới cho nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của luận án về những vấn đề lý luận của ký hiệu học, của vũ đạo Tuồng và mã hoá- giải mã vũ đạo Tuồng dưới góc nhìn ký hiệu học, đã phần nào đi đến chứng minh và khẳng định luận điểm khoa học NCS đưa ra – Vũ đạo Tuồng là những ký hiệu được nhìn thấy, có thể mã hoá và giải mã nhằm góp phần mô tả mô hình nhân vật Tuồng; mở rộng các lớp nghĩa sâu rộng và phong phú các mô hình nhân vật Tuồng truyền thống, đồng thời cho

thấy ký hiệu học sẽ trở thành công cụ hữu hiệu để bảo tồn, giảng dạy và phát huy nghệ thuật Tuồng trong đời sống đương đại và tương lai.

Với mục tiêu đặt ra, luận án đã tiếp cận khoa học ký hiệu của phương tây để nghiên cứu và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về vũ đạo Tuồng của sân khấu phương đông trong nghiên cứu mô hình nhân vật Tuồng, cũng như nghiên cứu những vấn đề mã hoá- giải mã vũ đạo Tuồng truyền thống. Nhận diện rõ những gì nghiên cứu đã đạt được, những vấn đề còn hạn chế và cả những vấn đề khó khăn đặt ra phía trước cần phải trau dồi, học hỏi, nghiên cứu nhiều hơn nữa, nhằm mở ra hướng tiếp cận mới với khán giả hôm nay cho bộ môn nghệ thuật truyền thống với nghệ thuật biểu diễn và vũ đạo vô cùng đặc sắc, bác học của dân tộc ta.

Luận án tiếp cận vũ đạo Tuồng như một hệ thống ký hiệu học hoàn chỉnh, qua đó đề xuất mô hình phân tích bảo tồn – phát huy – phát triển dựa trên mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt. Cách tiếp cận này góp phần chuyển dịch tư duy bảo tồn từ việc lưu giữ hình thức sang bảo tồn logic ký hiệu, đồng thời mở ra hướng phát triển vũ đạo Tuồng một cách chủ động, có cơ sở lý luận và tránh nguy cơ lệch mã trong sáng tạo đương đại. Đây là đóng góp mới về mặt lý luận và phương pháp nghiên cứu đối với lĩnh vực nghiên cứu nghệ thuật truyền thống Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Roland Barthes (2002), *Cơ sở ký hiệu học*, Nguyễn Quốc Thắng dịch Nxb Tổng hợp, Hà Nội.
2. Lê Huy Bắc (2019), *Ký hiệu và liên ký hiệu học*, Nxb Tổng hợp Thành phố HCM.
3. Từ Thành Bắc (2013), *Kịch Trung Quốc*, NXB Tổng hợp TPHCM.
4. Hoàng Chương (1998), *Mịch Quang Lão tướng Tuồng*, NXB Sân khấu.
5. Hoàng Chương, *Tuồng và võ*, NXB Sân khấu.
6. Hoàng Chương (2006), *Mấy vấn đề sân khấu truyền thống*, NXB Sân khấu.
7. Hoàng Chương (1993), *Đi tìm vẻ đẹp của Sân khấu dân tộc*, NXB Sân khấu.
8. Hoàng Chương (2004), *Trần Hưng Quang Tuồng và Võ*, NXB Sân Khấu.
9. Lê Ngọc Cầu (2012), *Tuồng Hải*, NXB Văn Hoá.
10. Phó Cần (2013), *Hí Kịch Trung Quốc*, NXB Tổng hợp TPHCM.
11. Lê Quý Dương (2015), *Sân khấu thể nghiệm và giao thoa văn hoá*, NXB Lao động.
12. Lê Quý Dương (2015), *Sân khấu thể nghiệm và giao thoa văn hoá*, NXB Lao động.
13. Trịnh Bá Đình (2023), *Ký hiệu học văn chương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Thành Đăng Khánh dịch (2002), *Hý khúc 1,2,3- Đại bách khoa toàn thư Trung Quốc*, Viện Sân Khấu và NXB Sân khấu Hà Nội.
15. Hồ Lăng dịch (1970), *Cái khiêu Thiên- Cuộc đời Sân khấu (Phần mặc xuân thu)*, Viện nghiên cứu nghệ thuật Sân khấu.
16. Umberto Eco (2023), *Đế chế ký hiệu*, NXB Nhã Nam.
17. Nhiều tác giả (2010), *Giáo sư Hoàng Châu Ký với nghệ thuật Tuồng Việt Nam*, NXB Tổng hợp TPHCM.
18. Nhiều tác giả (2000), *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, NXB Đà Nẵng.
19. Trịnh Kim Huệ, Triệu Quang Vinh (2004), *Giáo trình nghệ thuật hình thể diễn viên kịch hát*, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội.
20. Trịnh Kim Huệ (2003), *Vũ đạo ca kịch Huế*, NXB Sân khấu.
21. Phạm Thị Hòa (2020), *Ứng dụng mỹ học truyền thống trong nghệ thuật trình diễn đương đại*, Tạp chí Nghệ thuật Sân khấu.
22. Xuân Hồng (2008), *Nghệ thuật biểu diễn Tuồng*, NXB Sân khấu
23. Nguyễn Thế khoa (2020), *Nguyễn Diêu Đào Tân- Một thời đại Tuồng*, NXB Sân khấu.

24. Thành Đăng Khánh (2008), *Nữ nghệ sỹ hát bội Năm Đồ*, NXB Sân khấu.
25. Thành Đăng Khánh (1994), *Tìm hiểu mô típ tình tiết trong Tuồng*, NXB Sân khấu.
26. Thành Đăng Khánh (1998), *Lịch sử kịch hát Trung Quốc*, Viện nghiên cứu Sân khấu.
27. Nguyễn Gia Kiện- Đào Duy Kiên (1996), *Các làn điệu hát Tuồng*, Sở văn hoá thông tin Bình Định.
28. GS. Hoàng Châu Ký (2005), *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật Tuồng*, NXB Sân khấu.
29. Erika Fishcher- Lichte (1997), *Ký hiệu học Sân khấu điện ảnh*, PGS. Bùi Khởi Giang dịch, Nxb Viện Nghệ thuật và lưu trữ Điện ảnh VN.
30. Nguyễn Khoa Linh (2014), *Truyền thống và cách tân kịch bản Tuồng*, NXB Sân khấu.
31. Iu. M. Lotman (2015), *Ký hiệu văn hoá*, Lã Nguyên dịch, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
32. Nguyễn Lộc (1998), *Từ điển hát bội Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
33. Nguyễn Hữu Lương (1992), *Kinh kịch với vũ trụ quan Phương Đông*, NXB TP HCM.
34. Nguyễn Đình Nghi (1997), *Nghệ thuật biểu diễn Tuồng cổ truyền Việt Nam*, NXB Sân khấu.
35. Lã Nguyên (2019), *Phê bình ký hiệu học*, NXB Phụ nữ.
36. Phan Ngọc – Lê Ngọc Cầu (1984), *Nội dung xã hội và Mỹ học Tuồng Đồ*, NXB Khoa học Xã hội Hà Nội.
37. Nguyễn Thị Nhung (1996), *Vị trí thể loại Sân khấu Tuồng truyền thống*, NXB Sân khấu.
38. Đái Xuân Ninh (1984), *Học thuyết Ferdinand de Saussure, trong Ngôn ngữ học – Khuyên hướng, lĩnh vực, khái niệm (tập 1)*, NXB Khoa học, xã hội và nhân văn.
39. Trịnh Quang Phú (2018), *Bảo tồn và phát huy di sản sân khấu Việt Nam trong thời đại số*, Hội Nghệ sỹ Sân khấu Việt Nam.
40. NSND Nguyễn Ngọc Phương (2011), *Đạo diễn với kịch hát dân tộc*, NXB Sân khấu.
41. Mịch Quang (1995), *Đặc trưng nghệ thuật Tuồng*, NXB Sân khấu
42. NSND Đình Quang (2004), *Về đặc trưng và hướng phát triển của Tuồng, Chèo truyền thống*, Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh Hà Nội.
43. Ferdinand de Saussure (2005), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Cao Xuân Hạo dịch, NXB Khoa học xã hội Hà Nội.
44. Nguyễn Cao Thanh (2022), *Tiếp cận ký hiệu học Điện ảnh qua lý thuyết của Charles Sanders Peirce*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
45. Nguyễn Gia Thiệu (2007), *Tuồng Xuân Nữ*, NXB Sân khấu.
46. Lã Nguyên dịch và giới thiệu (2015), *Ký hiệu học Văn hoá*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
47. Đặng Bá Tài (2018), *Từ thầy Tuồng đến đạo diễn Tuồng*, NXB Sân khấu.
48. Nguyễn Thị Minh Thái (2010), *Ngôn ngữ sân khấu hiện đại*, NXB Sân khấu.
49. PGS. Tất Thắng (1997), *Tuyển tập Tuồng Cổ*, NXB Sân khấu
50. PGS. Tất Thắng (2021), *Lịch sử nghệ thuật Tuồng thế kỷ XX (sơ khảo)*, NXB Sân khấu.

Tiếng Anh

51. Eco, U. (1976), *A Theory of Semiotics*, Bloomington: Indiana University Press.
52. Eco, U. (1976), *A Theory of Semiotics*, Bloomington: Indiana University Press.

Một số tư liệu, tạp chí trong và ngoài nước:

53. Tạp chí nghiên cứu nghệ thuật sân khấu tháng 9-1975, viện Sân khấu điện ảnh Hà Nội.
54. Tư liệu viện sân khấu số 18, viện sân khấu điện ảnh Hà Nội.

DANH MỤC VỞ DIỄN

1. Vở Tuồng Sơn Hậu
2. Vở Tuồng Nữ Tướng Đào Tam Xuân
3. Vở Tuồng Võ Tam Tư trăm cáo
4. Vở Tuồng Nghêu Sò Ốc Hến
5. Vở Tuồng Lý phụng Đình
6. Vở Tuồng Ngọn lửa Hồng Sơn

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA NCS ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách Giáo trình (2020), *Hình thể cho Diễn viên kịch Điện ảnh Truyền hình và Đạo diễn Sân khấu*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội.
2. Công trình nghiên cứu khoa học cấp Viện (2023), *Ứng dụng Múa và Võ thuật trong huấn luyện hình thể cho Diễn viên*, Viện Nghiên cứu Sân khấu Điện ảnh- Trường Đại học Sân khấu Điện ảnh HN.
3. Sách chuyên khảo), *Ứng dụng Múa và Võ thuật trong huấn luyện hình thể cho Diễn viên*, NXB Hà Nội tháng 7 năm 2024.
4. Sách tham khảo (tháng 9/ 2025) : *Ngôn ngữ hình thể trong nghệ thuật biểu diễn Tuồng* NXB Hà Nội .
5. Bài báo nghiên cứu: Những sáng tạo của Đạo diễn Tadashi suzuki trên tạp chí Sân khấu điện ảnh số 12/2023
6. Bài báo nghiên cứu : Từ ký hiệu đến biểu tượng trong sáng tạo của Đạo diễn Tadashi Suzuki qua hai vở kịch Vua Lia của William Shakespear và Ba chị em của Anton Sêkhop trên tạp chí khoa học xã hội Ấn Độ số tháng 10 năm 2025.
7. Bài báo nghiên cứu: Từ ngôn ngữ hình thể trong vở Tuồng Võ Tam Tư trăm cáo đến chứng minh luận điểm của R. Jakobson: “ vấn đề cơ bản của thi pháp học là sự trả lời cho câu hỏi – nhờ cái gì mà một thông báo ngôn ngữ trở thành một tác phẩm nghệ thuật”. Tạp chí khoa học xã hội Ấn Độ tháng 12/2025.
8. Bài báo nghiên cứu: Ứng dụng mã hoá- giải mã vũ đạo Tuồng trong bảo tồn nghệ thuật truyền thống Việt Nam. Tạp chí Tạp chí quốc tế khoa học xã hội và nghiên cứu nhân văn (IJSSHR), tháng 1/2026.